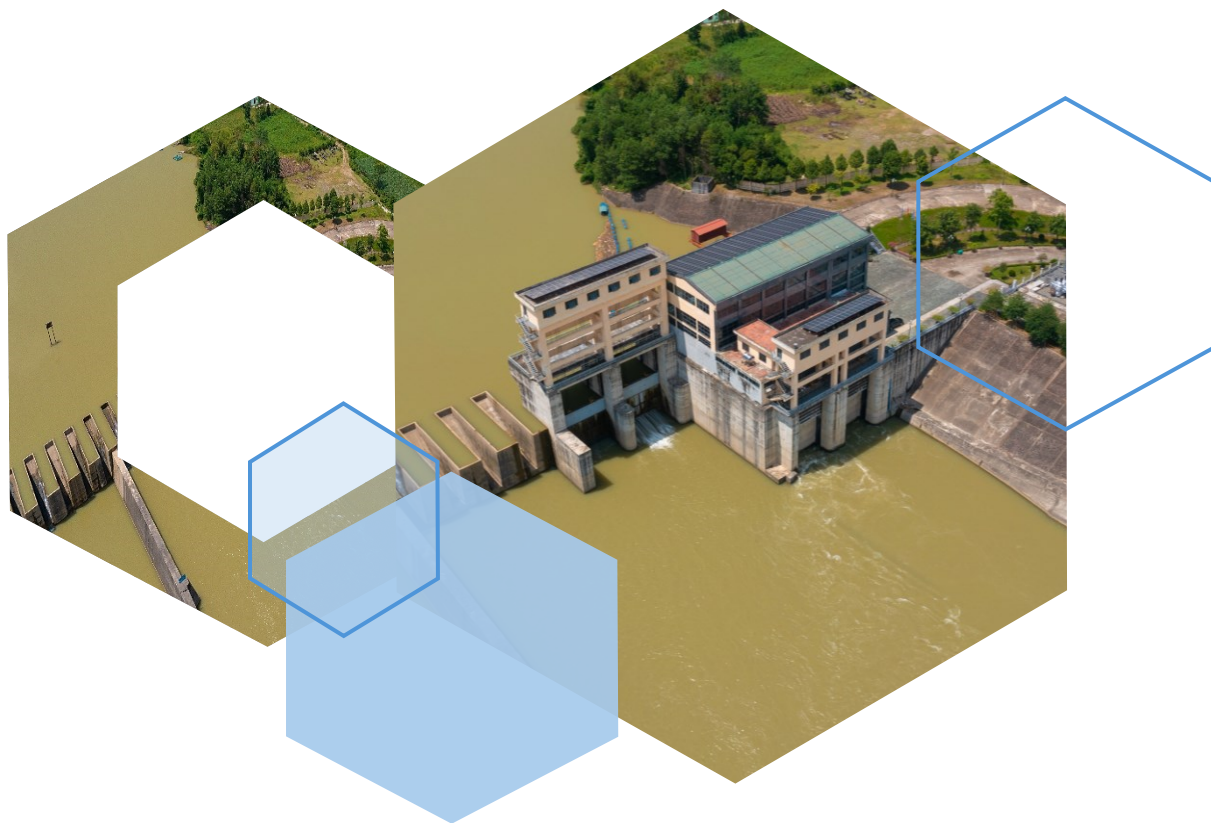


CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH



TÀI LIỆU HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2025



DANH MỤC TÀI LIỆU HỌP ĐHĐCĐ NĂM 2025

Ngày 28/3/2025

Stt	Nội dung	Ghi chú
1	Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	XM01
2	Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	XM02
3	Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	XM03
4	Quy chế biểu quyết và bầu cử thành viên HĐQT, BKS	XM04
5	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và KH năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030	XM05
6	Báo cáo kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch năm 2025	XM06
7	Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2024	XM07
8	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024	XM08
9	Báo cáo tình trạng máy móc thiết bị năm 2024	XM09
10	Tờ trình phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2024	XM10
11	Tờ trình thủ lao HĐQT, BKS năm 2025	XM11
12	Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025	XM12
13	Tờ trình phương án nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030	XM13

GIẤY MỜI HỌP

Về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh trân trọng thông báo và kính mời Quý vị cổ đông đến tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

- ❖ **Thời gian họp:** Bắt đầu từ **9 giờ 30 phút ngày 28 tháng 3 năm 2025**
- ❖ **Địa điểm:** Hội trường tầng 3-Khu nhà QLĐH các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.
- ❖ **Thành phần tham dự:** Tất cả các cổ đông của Công ty chốt đến ngày **05/3/2025** có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Quý vị cổ đông nào không thể đến tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự, việc ủy quyền phải được lập thành văn bản (*theo mẫu của Công ty gửi kèm theo Giấy mời*).
- ❖ **Nội dung Đại hội:** Theo Chương trình Đại hội đính kèm Giấy mời.
- ❖ **Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội:**
 - Để Đại hội được tổ chức chu đáo, đề nghị Quý vị cổ đông gửi Giấy xác nhận tham dự Đại hội (Mẫu đính kèm giấy mời) hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về Công ty chậm nhất **17h00 ngày 27/3/2025**, bằng cách gửi trực tiếp, chuyển phát nhanh hoặc fax theo số 0237.3555069.
 - Quý vị cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội xin vui lòng mang theo Giấy mời họp, Căn cước công dân/Hộ chiếu (Bản gốc để đối chiếu/Sao y công chứng trong vòng 06 tháng) và Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền dự họp).
 - Quý vị cổ đông cần thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ: Văn phòng đại diện Công ty: Tầng 19, toà nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Trân trọng kính mời!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCTC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trịnh Nguyên Khánh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN / ỦY QUYỀN
Về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội - Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

- Tên cổ đông:
- Địa chỉ:
- CCCD/Giấy CNĐKDN số:Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Số cổ phần sở hữu tại ngày 05/3/2025 là: cổ phần.
(Bằng chữ:)

Tôi xác nhận rằng:

1. ☐ Đồng ý tham dự Đại hội

2. ☐ Đồng ý ủy quyền cho Ông/Bà dưới đây:

- Họ và tên người được ủy quyền:
- Địa chỉ:
- CCCD/Hộ chiếu số:Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

3. Hoạch ủy quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị Công ty:

- | | |
|---|-------------------|
| ☐ Ông Trịnh Nguyên Khánh | - Chủ tịch HĐQT |
| ☐ Ông Phạm Văn Minh | - Thành viên HĐQT |
| ☐ Ông Nguyễn Nguyễn Thanh Phương | - Thành viên HĐQT |
| ☐ Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | - Thành viên HĐQT |
| ☐ Bà Phùng Thị Thu Huyền | - Thành viên HĐQT |

4. Nội dung ủy quyền:

- Được thay mặt Người ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh, tổ chức vào ngày 28/3/2025 tại Thanh Hoá có toàn bộ quyền hạn đại diện cho số cổ phần Người ủy quyền sở hữu để quyết định các vấn đề thuộc nội dung Đại hội.
- Người được uỷ quyền có trách nhiệm chấp hành các quy định của Ban tổ chức Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và phải thông báo lại các nội dung của Đại hội cho Người ủy quyền biết.

5. Trách nhiệm và thời hạn ủy quyền:

- Giấy uỷ quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.
- Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

....., ngày.....tháng..... năm 2025

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỔ ĐÔNG
(Ký, đóng dấu nếu là tổ chức)

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
(Ngày 28 tháng 3 năm 2025)

THỜI GIAN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
9h30 – 9h50	- Đăng ký cổ đông dự họp, đón tiếp khách mời, phát tài liệu.	
9h50 - 10h05	- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; - Giới thiệu và thông qua Ban Chủ tọa, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu Đại hội; - Thông qua chương trình, quy chế làm việc, quy chế biểu quyết và bầu cử tại Đại hội.	
10h05 - 10h20	- TGD báo cáo kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025.	
10h20 - 10h35	Hội đồng quản trị Công ty báo cáo: - Hoạt động HĐQT năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm vụ, kế hoạch năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030; - Tờ trình phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2024; - Tờ trình phương án trả thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2025; - Tờ trình bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030.	
10h35 - 10h50	Ban kiểm soát Công ty báo cáo: - Hoạt động của công ty năm 2024, kế hoạch 2025; - Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán; - Tờ trình phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.	
10h50 - 11h15	- Đại hội tiến hành thảo luận.	
11h15 - 11h30	Biểu quyết thông qua các nội dung: + Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030; + Báo cáo kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch năm 2025; + Báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty năm 2024; + Báo cáo tài chính năm 2024 và lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025; + Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2024; + Phương án trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2025; + Bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030.	
11h30 - 11h40	- Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.	
11h40 - 11h50	- Bế mạc Đại hội.	

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Quang Minh

Số: 01/2025/QC-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

QUY CHẾ LÀM VIỆC

Của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Căn cứ:

- ❖ Luật doanh nghiệp hiện hành;
- ❖ Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Mục tiêu của Quy chế:

- ❖ Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- ❖ Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Xuân Minh tiến hành biểu quyết thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội gồm các nguyên tắc, thể lệ như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

- 1.** Cổ đông khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội hướng dẫn, tuân thủ việc sắp xếp vị trí chỗ ngồi của Ban tổ chức.
- 2.** Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ không để chuông.
- 3.** Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu đại hội cho đến khi kết thúc đại hội. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải dời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết thông qua tại Đại hội.

II. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày họp lần thứ nhất. Cuộc họp lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

III. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận tiến hành đăng ký nội dung phát biểu theo mẫu Phiếu đăng ký phát biểu của Ban Tổ chức (Mẫu 01 đính kèm quy chế) hoặc giơ cao Thẻ Biểu quyết đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa. Mẫu đăng ký phát biểu sẽ được phát cho từng cổ đông khi đến dự Đại hội. Cổ đông nộp Phiếu đăng ký phát biểu tại Ban Thư ký Đại hội trong quá trình Đại hội hoặc trong giờ nghỉ giải lao. Để đảm bảo trật tự của Đại hội khi thảo luận, những cổ đông đăng ký phát biểu theo Mẫu đăng ký sẽ được ưu tiên phát biểu trước sau đó lần lượt các cổ đông giơ Thẻ Biểu quyết sẽ phát biểu theo sự sắp xếp của Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

IV. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp; Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác; Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; Trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
 - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

5. Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

1. Tham gia đón tiếp và hướng dẫn bố trí chỗ ngồi cho cổ đông.
2. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
3. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
4. Tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ.
5. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

VII. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

VIII. VIX. HIỆU LỰC CỦA QUY CHẾ

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua và được áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty.

**T.M. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA**



Trịnh Nguyên Khánh

PHIẾU ĐĂNG KÝ THẢO LUẬN

TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

(Ngày 28 tháng 3 năm 2025)

Nội dung câu hỏi/ ý kiến thảo luận:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Trường hợp nội dung câu hỏi nằm ngoài Chương trình Đại hội, hoặc không đủ thời gian để Chủ tọa trả lời tất cả câu hỏi của Cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ trả lời Cổ đông thông qua: Gửi thư tay, email hoặc điện thoại.

Số: 02/2025/QC-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

QUY CHẾ

BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp hiện hành;
- Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Xuân Minh tiến hành biểu quyết thông qua các báo cáo, nghị quyết của Đại hội, đồng thời bầu cử, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo các nguyên tắc, thể lệ như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Biểu quyết: Là việc cổ đông thực hiện quyền cho ý kiến về các nội dung, vấn đề cụ thể để nhằm xác định các nội dung, vấn đề đó có đủ điều kiện được Đại hội thông qua.
- Thẻ biểu quyết: Là thẻ in sẵn theo mẫu của Công ty; có đóng dấu của Công ty cổ phần Thủy điện Xuân Minh, có thông tin cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng với số lượng cổ phần phổ thông mà cổ đông sở hữu và có chữ ký xác nhận của cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông.
- Bầu cử: Là việc cổ đông thực hiện quyền lựa chọn một hoặc một số ứng viên vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
- Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát sau đây gọi tắt là "phiếu bầu": là phiếu in sẵn theo mẫu của Công ty có đóng dấu của Công ty cổ phần Thủy điện Xuân Minh, có thông tin cổ đông, số cổ phần phổ thông, tổng số phiếu bầu của cổ đông đó (Tổng số phiếu bầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát) và có chữ ký xác nhận của cổ đông hoặc người đại diện cổ đông.
- Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.
- HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.
- BKS: Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.
- Đại hội: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

2. Phạm vi điều chỉnh, hiệu lực

- Quy chế này áp dụng với việc biểu quyết và bầu cử trong chương trình Đại hội của Công ty.
- Hiệu lực: Áp dụng khi Đại hội thông qua và chỉ áp dụng tại Đại hội.

3. Sửa đổi quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung quy chế này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Trách nhiệm của cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của quy chế này.
- Tự bảo quản, giữ gìn thẻ biểu quyết và phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS trong suốt thời gian tiến hành Đại hội. Công ty không chịu trách nhiệm về mọi hậu quả xảy ra khi cổ đông và người đại diện theo ủy quyền không còn thẻ biểu quyết, phiếu bầu.
- Không cho người khác mượn thẻ biểu quyết, phiếu bầu.

5. Trách nhiệm của Công ty

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của quy chế này.
- Phát thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử cho cổ đông/người đại diện cổ đông đến tham dự đại hội.

6. Quy định về Ban bầu cử

- Việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện thông qua Ban bầu cử. Ban tổ chức Đại hội sẽ chuẩn bị và đề xuất với Đại hội một Ban bầu cử để chịu trách nhiệm cho công tác kiểm tra tư cách tham dự và công tác

kiểm phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử. Thành viên Ban bầu cử có thể là cổ đông nhưng không phải là người có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào bất kỳ chức vụ nào được bỏ phiếu, bầu cử tại Đại hội.

- Ban bầu cử có trách nhiệm:
 - + Công bố tại Đại hội, giải thích, hướng dẫn cổ đông/đại diện theo ủy quyền cổ đông về quy chế này.
 - + Phát phiếu bầu cho cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội.
 - + Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông.
 - + Tổ chức kiểm phiếu.
 - + Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội.
 - + Chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của việc kiểm phiếu.

7. Các công cụ để thực hiện biểu quyết, bầu cử

- Thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử:
 - + Các cổ đông/Người được ủy quyền sẽ thực hiện quyền biểu quyết và quyền bầu cử thông qua Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử.
 - + Cổ đông nhận thẻ biểu quyết trực tiếp tại Đại hội sau khi cổ đông hoàn thành khâu đăng ký, kiểm tra tư cách hợp lệ.
 - + Cổ đông nhận Phiếu bầu cử trực tiếp tại Đại hội sau khi cổ đông thông qua danh sách đề cử ứng viên HĐQT, BKS.
- Thùng phiếu: Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử khi được các cổ đông/ Người được ủy quyền bỏ phiếu thì sẽ được tập hợp bỏ vào thùng phiếu. Thùng phiếu sẽ được niêm phong từ trước thời điểm bỏ phiếu cho đến khi kết thúc thời điểm bỏ phiếu và do Ban bầu cử quản lý.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Quy chế biểu quyết

- Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông sử dụng Thẻ biểu quyết để biểu quyết các vấn đề tại Đại Hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
- Các nội dung trong chương trình của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết, trong đó ghi: Cổ đông; Số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty.
- Cổ đông biểu quyết một vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết để biểu quyết theo các nội dung sau: Đồng ý; Không đồng ý; hoặc Có ý kiến khác. Khi biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết có ghi "Số cổ phần" sở hữu và/hoặc đại diện phải được hướng về phía Chủ tọa.
- Đối với mỗi nội dung biểu quyết, Cổ đông/Người được ủy quyền chỉ được chọn một trong ba tình trạng biểu quyết.
- Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung có nhiều hơn một (01) tình trạng biểu quyết được chọn. Khi đó, các nội dung biểu quyết còn lại được biểu quyết hợp lệ vẫn được tính vào kết quả biểu quyết.

1.1 Thẻ biểu quyết hợp lệ

- Theo mẫu của Công ty.
- Thẻ không có tẩy xóa, cạo sửa những nội dung in ấn. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết, không viết thêm nội dung khác ngoại trừ các nội dung theo yêu cầu của Ban tổ chức.
- Đối với mỗi nội dung biểu quyết, thẻ có thể chọn được một trong ba tình trạng biểu quyết của nội dung đó.

1.2 Điều kiện để các nội dung trong thẻ biểu quyết được thông qua

Các quyết định của Đại hội sẽ được thông qua khi có từ 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông. Các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức Công ty;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Quy chế bầu cử

2.1 Đối tượng thực hiện bầu cử thành viên HĐQT, BKS.

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông Công ty chốt ngày 05/3/2025).

2.2 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;
- Là đại diện nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

2.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2.4 Phương thức bầu cử HĐQT

- Việc đề cử, bầu các thành viên Hội đồng quản trị được tiến hành trên cơ sở các công văn đề xuất của các cổ đông và theo nội dung được trình bày trong tờ trình của HĐQT.
- Trong trường hợp số lượng các ứng viên thông qua đề cử và ứng cử HĐQT vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội thông qua trước khi tiến hành đề cử. Trường hợp số ứng viên đề cử vẫn chưa đủ số lượng cần bầu, Đại hội sẽ đề cử bổ sung ngay trong cuộc họp cho đến khi đủ số thành viên HĐQT theo phương thức Chủ tọa đề nghị và được Đại hội thông qua. Căn cứ danh sách đề cử đã được thông qua tại Đại hội, Ban bầu cử cử một đại diện bổ sung thông tin ứng viên vào phiếu bầu cử (nếu có).
- Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện bằng phiếu kín và theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị (05 thành viên) và số cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

Lưu ý:

- Số lượng ứng viên thành viên HĐQT được bầu tối đa là 05 người.
- Trên mỗi phiếu bầu có ghi rõ tổng số quyền bầu của người cầm phiếu. Số này trên từng phiếu là khác nhau tùy theo số cổ phần có quyền biểu quyết hiện đang nắm giữ hoặc đại diện. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không được vượt quá số này.

2.5 Phương thức bầu cử BKS

- Việc đề cử, bầu các thành viên Ban kiểm soát được tiến hành trên cơ sở các công văn đề xuất của các cổ đông và theo nội dung được trình bày trong tờ trình của HĐQT.
- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội thông qua trước khi tiến hành đề cử. Trường hợp số ứng viên đề cử vẫn chưa đủ số lượng cần bầu, Đại hội sẽ đề cử bổ sung ngay trong cuộc họp cho đến khi đủ số thành viên BKS theo phương thức Chủ tọa đề nghị và được Đại hội thông

qua. Căn cứ danh sách đề cử đã được thông qua tại Đại hội, Ban bầu cử cử một đại diện bổ sung thông tin ứng viên vào phiếu bầu cử (nếu có).

– Việc bầu thành viên BKS thực hiện bằng phiếu kín và theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS (03 thành viên) và số cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

Lưu ý:

- Số lượng ứng viên thành viên BKS được bầu tối đa là 03 người.
- Trên mỗi phiếu bầu có ghi rõ tổng số quyền bầu của người cầm phiếu. Số này trên từng phiếu là khác nhau tùy theo số cổ phần có quyền biểu quyết hiện đang nắm giữ hoặc đại diện. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không được vượt quá số này.

2.6 Phiếu bầu không hợp lệ

Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu bầu vi phạm một trong số các điều kiện sau:

- Không do Ban tổ chức phát hành, không đóng dấu của công ty.
- Phiếu bầu số người vượt quá số tối đa theo quy định.
- Phiếu bầu có tổng số quyền bầu cử đã bầu cho các ứng viên (do người bầu tự cộng) lớn hơn tổng số quyền được bầu đã ghi sẵn trên phiếu.
- Phiếu bầu ghi tổng số đã bầu bị cộng sai mà ban bầu cử cộng lại lớn tổng số quyền được bầu đã ghi sẵn trên phiếu.
- Phiếu bầu tự ý ghi thêm tên người ngoài danh sách đã in sẵn hoặc gạch xoá vào phiếu (trường hợp viết sai phải đổi lại tên phiếu mới).

2.7 Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên vào HĐQT, BKS

- Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên HĐQT và BKS bao gồm:
 - + Văn bản ứng cử, đề cử (Mẫu số 1, 2)
 - + Sơ yếu lý lịch (Mẫu số 3);
 - + Bản sao các giấy tờ: CMTND/CCCD/Hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận tình trạng văn hóa, năng lực chuyên môn;
 - + Giấy ủy quyền đề cử (trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử):
- Người đề cử/ ứng cử vào HĐQT, BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và nội dung trong hồ sơ của mình.
- Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ ứng cử, đề cử:

Để đảm bảo công tác chuẩn bị tài liệu trình ĐHĐCĐ của Ban tổ chức, hồ sơ tham gia ứng cử/ đề cử phải gửi về Công ty trước 12 giờ ngày 12/3/2025 theo địa chỉ sau:

- + Văn phòng đại diện – Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh
- + Địa chỉ: Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, số 34 phố Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội
- + Điện thoại: 097.8008.969

– Những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử/ứng cử được gửi cho Ban tổ chức trước thời hạn nêu trên và những ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn của thành viên HĐQT/BKS theo quy định mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại Đại hội.

2.8 Phương thức bầu dồn phiếu

2.8.1 Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền lựa chọn thực hiện theo một trong hai phương thức bầu dồn phiếu sau đây:

- Cách 1: Bầu dồn đều phiếu cho các ứng cử viên

Theo phương thức này, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu gạch chéo (X) hoặc tích (✓) vào dòng tương ứng với tên ứng cử viên được lựa chọn tại cột "Cách 1: Bầu dồn đều". Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông chọn (x) số thành viên được bầu HĐQT/BKS.

- Cách 2: Số phiếu bầu phân bổ cho từng ứng cử viên:

Theo phương thức này, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông ghi trực tiếp số phiếu bầu cho từng ứng cử viên được lựa chọn tại cột "Cách 2: Bầu phân bổ". Số phiếu bầu của mỗi ứng cử viên có thể khác nhau.

2.8.2 Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông chỉ lựa chọn một trong hai phương thức bầu dồn phiếu nêu trên để đảm bảo Phiếu bầu là hợp lệ.

2.8.3 Số phiếu bầu của từng cử cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết ghi ở phần thông tin cổ đông.

2.8.4 Mỗi cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết tương ứng với Tổng số cổ phần sở hữu/đại diện nhân với (x) số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS.

2.8.5 Ví dụ minh họa:

- Đại hội biểu quyết bầu 05 (năm) thành viên HĐQT, có 05 ứng cử viên tham gia ứng cử thành viên HĐQT.
- Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 1.000 cổ phần.
- Tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A là: $1.000 \times 5 = 5.000$ phiếu bầu.
- Cổ đông Nguyễn Văn A có quyền lựa chọn một trong hai phương thức bầu dồn phiếu và điền như sau để đảm bảo tính hợp lệ của phiếu bầu:

Cách 1: Bầu dồn đều

TT	Họ và tên ứng viên	Cách 1: Bầu dồn đều phiếu (Đánh dấu x hoặc √ vào 05 ô trống)	Cách 2: Bầu phân bổ (Ghi số lượng phiếu bầu)
1	Ứng viên 01	☒	
2	Ứng viên 02	☒	
3	Ứng viên 03	☒	
4	Ứng viên 04	☒	
5	Ứng viên 05	☒	

Cách 2: Bầu phân bổ

TT	Họ và tên ứng viên	Cách 1: Bầu dồn đều phiếu (Đánh dấu x hoặc √ vào 05 ô trống)	Cách 2: Bầu phân bổ (Ghi số lượng phiếu bầu)
1	Ứng viên 01	☐	1000
2	Ứng viên 02	☐	500
3	Ứng viên 03	☐	1000
4	Ứng viên 04	☐	1500
5	Ứng viên 05	☐	1000

2.9 Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, BKS

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại quy chế này.
- Nếu có nhiều ứng viên ngang số phiếu bầu làm cho việc chọn ra đủ số cần bầu không thực hiện được thì số ứng viên đó có phải bầu lại để chọn ra số còn thiếu sau khi các ứng viên có số phiếu bầu cao hơn đã được trúng cử. Việc bầu lại cũng vẫn theo nguyên tắc bầu dồn phiếu.

2.10. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban bầu cử phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng vị trí trong HĐQT, BKS;
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

– Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

III. HIỆU LỰC CỦA QUY CHẾ

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua và được áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty.

**T.M. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA**



Trịnh Nguyên Khánh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỨNG CỬ
Ứng viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh
((Nhiệm kỳ 2025-2030))

Kính gửi: Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tên cổ đông.....

CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:.....

Cấp ngày:..... tại.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số cổ phần nắm giữ/đại diện:.....cổ phần

Mã số cổ đông (mã số này được ghi ngoài bì thư hoặc thư mời):.....

Ứng cử làm ứng viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh nhiệm kỳ 2025 - 2030 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh ngày 28/3/2025.

Tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc ứng cử này.

....., ngày.....tháng..... năm 2025

Cổ đông ứng cử
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỨNG CỬ
Ứng viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh
((Nhiệm kỳ 2025-2030))

Kính gửi: Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tên cổ đông.....

CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:.....

Cấp ngày:..... tại.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số cổ phần nắm giữ/đại diện:.....cổ phần

Mã số cổ đông (mã số này được ghi ngoài bì thư hoặc thư mời):.....

Ứng cử làm ứng viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh nhiệm kỳ 2025 - 2030 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh ngày 28/3/2025.

Tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc ứng cử này.

....., ngày.....tháng..... năm 2025

Cổ đông ứng cử
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ CỬ
Ứng viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh
(Nhiệm kỳ 2020 - 2025)

Kính gửi: Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tên cổ đông.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:.....

Cấp ngày:.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số cổ phần nắm giữ/đại diện:.....cổ phần

Mã số cổ đông (mã số này được ghi ngoài bì thư hoặc thư mời):.....

Đồng ý đề cử:

Ông/Bà.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....

Cấp ngày:.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ thường trú:.....

Làm ứng viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh nhiệm kỳ 2020 - 2025 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh ngày 28/3/2025.

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc đề cử này.

....., ngày.....tháng..... năm 2025

Cổ đông đề cử

(Ký và ghi rõ họ tên - đóng dấu nếu là pháp nhân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ CỬ
Ứng viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh
(Nhiệm kỳ 2020 - 2025)

Kính gửi: Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tên cổ đông.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:.....

Cấp ngày:.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số cổ phần nắm giữ/đại diện:.....cổ phần

Mã số cổ đông (mã số này được ghi ngoài bì thư hoặc thư mời):.....

Đồng ý đề cử:

Ông/Bà.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....

Cấp ngày:.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ thường trú:.....

Làm ứng viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh nhiệm kỳ 2025- 2030 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh ngày 28/3/2025.

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc đề cử này.

....., ngày.....tháng..... năm 2025

Cổ đông đề cử

(Ký và ghi rõ họ tên - đóng dấu nếu là pháp nhân)

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người tự ứng cử/được đề cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ)

1. Họ và tên:
2. CCCD/Hộ chiếu số cấp ngày tại
3. Giới tính: ☐ Nữ ☐ Nam
4. Ngày tháng năm sinh:
5. Nơi sinh:.....
6. Quốc tịch:
7. Dân tộc:
8. Nguyên quán:
9. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu:
10. Địa chỉ chỗ ở hiện nay:
11. Trình độ văn hoá:
12. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành học):
13. Quá trình công tác *(nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp)*:

Từ năm	Đến năm	Chức vụ, đơn vị công tác

14. Chức vụ hiện nay tại Công ty:
15. Các chức danh tại các công ty khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị):
.....
.....
16. Danh sách người có liên quan của người khai⁽¹⁾:

STT	Tên cá nhân/ tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ liên hệ	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của Công ty (nếu có)	Mối quan hệ
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)
1	Nguyễn Văn A	Số CCCD: Ngày cấp: Nơi cấp: Địa chỉ:		Bố đẻ
2				
3				

17. Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần Công ty của bản thân và những người có liên quan:
Trong đó:
+ Bản thân:
+ Người có liên quan:

⁽¹⁾ Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán năm 2019.

18. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty:

19. Các khoản nợ đối với Công ty tính đến ngày lập Sơ yếu lý lịch này:
.....

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm 202.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Số: 01/2025/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

Về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh (HĐQT) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:

I. GIỚI THIỆU CHUNG

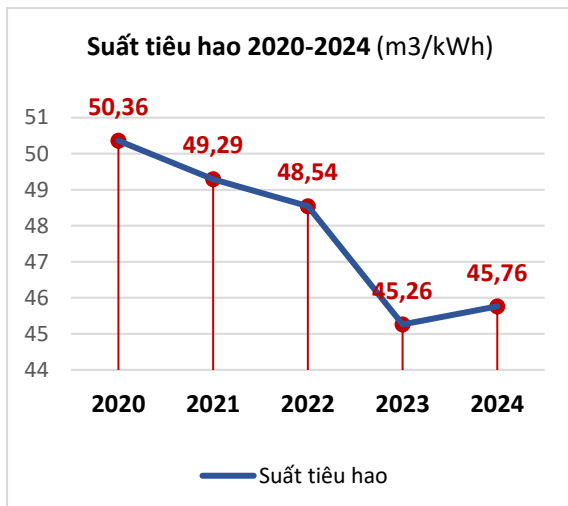
- Thời gian nhiệm kỳ:** 2020-2025
- Số lượng thành viên HĐQT:** 05 thành viên
- Cơ cấu thành viên HĐQT:**

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Trịnh Nguyên Khánh	Chủ tịch HĐQT	20/04/2021	
2	Ông Phạm Văn Minh	Thành viên HĐQT	20/04/2021	
3	Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên HĐQT	26/03/2024	
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT		
5	Bà Phùng Thị Thu Huyền	Thành viên HĐQT	25/05/2023	
6	Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên HĐQT	20/04/2021	25/05/2023

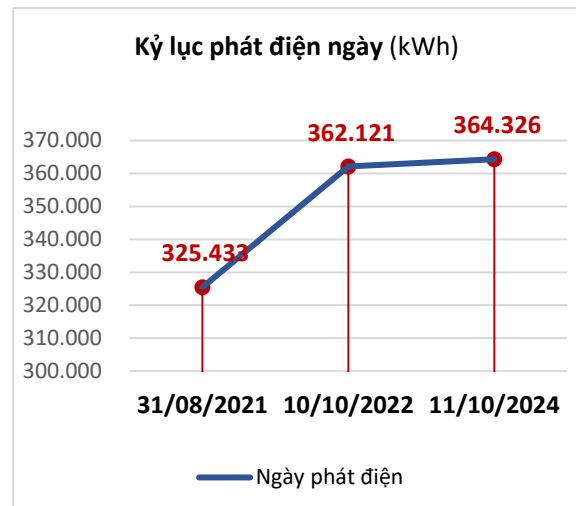
II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NHIỆM KỲ

1. Các chính sách quan trọng về hoạt động quản trị và định hướng chiến lược

“Vận hành phát điện hiệu quả”: T1/2023 ban hành “Quy trình vận hành phát điện hiệu quả” - Là sản phẩm kế thừa quy trình phát điện áp dụng trước năm 2022, được điều chỉnh, cải tiến từ kết quả thử nghiệm thành công phương án vận hành mới. Quy trình có vai trò quan trọng trong việc thống nhất nguyên tắc và trình tự vận hành chạy máy khung giờ cao điểm và các khung giờ khác cho tất cả các ca trực.



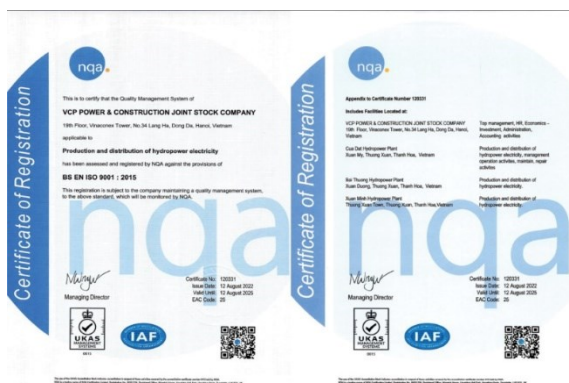
Suất tiêu hao nước 2023, 2024 đạt tốt nhất từ khi nhà máy phát điện, giảm 1,81m³/1kWh so với trung bình các năm 2019-2021



Kỷ lục phát điện ngày được xác lập mới vào 11/10/2024, đạt 364.326 kWh, vượt kỷ lục 31/8/2021 (325.433 kWh) và 14/10/2022 (362.121 kWh)

“Ứng dụng công nghệ trong hoạt động vận hành”: T1/2024 chính thức ứng dụng chương trình kiểm soát dòng chảy **HNT**: Là giải pháp công nghệ với mục tiêu tối ưu hoá kế hoạch vận hành và hệ thống liên hồ bằng phương pháp mô phỏng.

“Cải tiến mô hình quản trị doanh nghiệp theo các tiêu chuẩn quốc tế”: T8/2022 áp dụng hoạt động theo tiêu chuẩn **ISO** tại nhà máy; Năm 2021 bước đầu quản trị theo mô hình thẻ điểm cân bằng **BSC**, đến 2024 chính thức đưa các chỉ tiêu BSC thành các chỉ tiêu giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động; T6/2023-Quản trị hệ thống thông qua **SAP**-Phần mềm hoạch định doanh nghiệp nổi tiếng, được các tập đoàn đa quốc gia trên thế giới lựa chọn làm công cụ quản trị;...



Ngày 22/08/2022, NM Xuân Minh được cấp chứng chỉ ISO 14001 VÀ ISO 9001

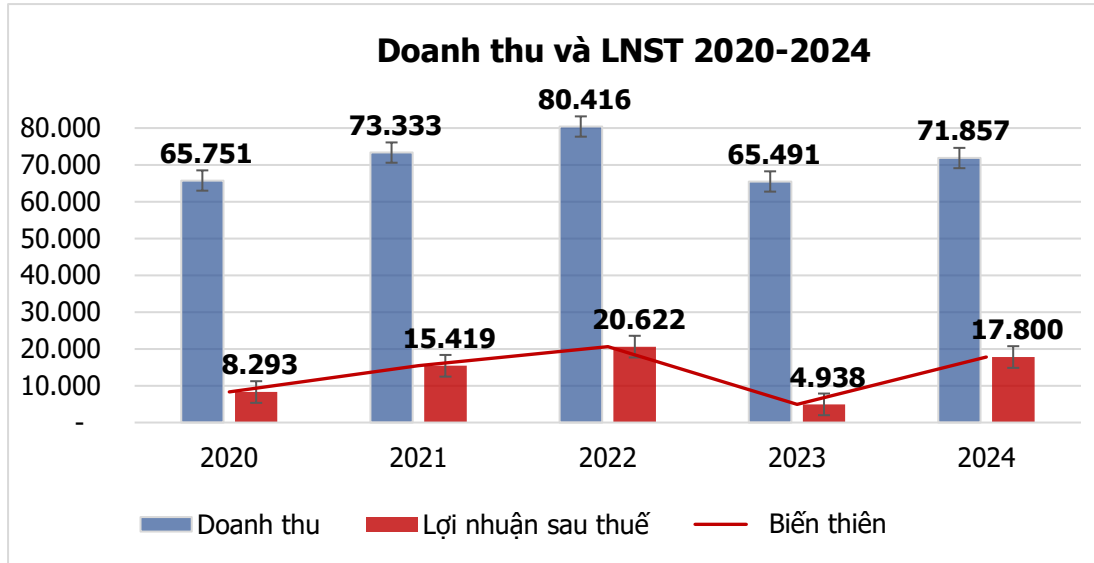


Lưu trữ tài liệu, hồ sơ theo tiêu chuẩn 5S

“Ứng dụng những công cụ quản lý tiên tiến”: Duy trì tính hiệu quả **5S**; Xây dựng ý thức cải tiến (**kaizen**) tại nơi làm việc; Hoàn thành 100% công tác số hoá tài liệu; Quản lý, khai thác dữ liệu trên thư mục dùng chung **onedrive**;...

“Tinh gọn bộ máy và ổn định nhân sự”: Điều chỉnh đi ca: 3 ca 5 kíp, bố trí 01 ca hành chính đảm bảo hiệu suất công việc, tính liên tục báo cáo và sửa chữa nhỏ. Tổng số lao động 24 CBCNV, tỷ lệ lao động gián tiếp và trực tiếp tương ứng 6-18 ổn định từ năm 2021.

2. Các chỉ số sản xuất kinh doanh chính giai đoạn 2020-2025



Chịu sự chi phối của chỉ tiêu sản lượng phát điện, doanh thu phát điện giai đoạn 2020-2024 đạt cao nhất tại năm 2022, với kết quả 80,416 tỷ đồng và thấp nhất vào năm 2023 với kết quả 65,49 tỷ đồng. Biến động về doanh thu, chi phí khiến chỉ tiêu lợi nhuận đạt cao nhất 20,62 tỷ đồng vào năm 2022 và thấp nhất là 4,93 tỷ đồng vào năm 2023.

Trong năm 2024, tổng doanh thu đạt **71,86** tỷ đồng, tăng 6,2 tỷ (khoảng 9,5%) so với kế hoạch đặt ra, tương đương mức tăng 9% so với cùng kỳ 2023. Lợi nhuận sau thuế đạt **17,79** tỷ đồng, tăng 9.82 tỷ (khoảng 123%) so với kế hoạch, tăng 12,86 tỷ đồng (261%) so với năm 2023. Kết quả SXKD năm 2024 cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2023	KH 2024	TH 2024	ĐÁNH GIÁ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6/5)%	(8)=(6/4)%
I	Sản lượng	kwh	53.763.315	52.014.563	62.266.698	120%	116%
II	Doanh thu	tr.đ	65.821	65.649	71.857	109%	109%
III	Chi phí	tr.đ	60.058	56.825	53.051	93%	88%
IV	LN trước thuế	tr.đ	5.763	8.824	18.806	213%	326%
V	LN sau thuế	tr.đ	4.937	7.974	17.799	223%	361%

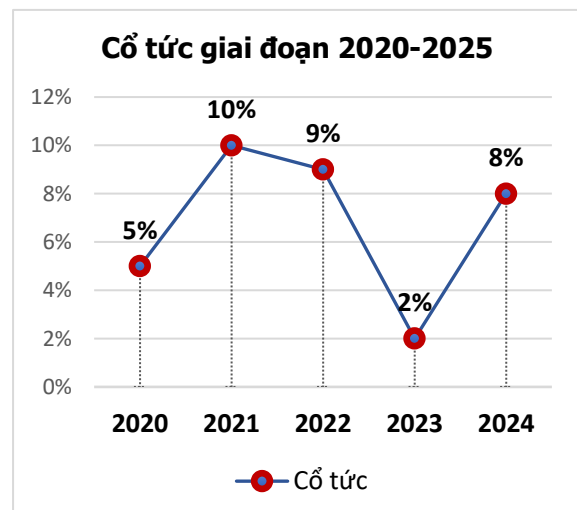
3. Chỉ tiêu cổ tức giai đoạn 2020-2025

Tỷ lệ chi trả cổ tức giai đoạn 2020-2025 dựa trên kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty theo từng năm.

Nguyên tắc thực hiện: Đảm bảo cân bằng lợi ích của cổ đông và nhu cầu dự phòng sửa chữa lớn TSCĐ của Công ty; Được ĐHCĐ thông qua theo đúng quy định pháp luật.

Hình thức chi trả: Bằng tiền mặt

Lộ trình chi trả: Năm 2020-01/7/2021; Năm 2021-26/10/2022; Năm 2022-02/12/2024; Năm 2023-25/9/2024.



4. Công tác quản trị rủi ro

❖ **"Kiểm soát rủi ro lãi suất":** Trước áp lực duy trì ổn định dòng tiền hoạt động, các giải pháp tài chính đã được tích cực triển khai. Có thể kể đến: Giải pháp huy động vốn theo theo lãi suất ngân hàng cộng tỷ lệ biên, điều chỉnh theo từng quý được thông qua tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐQT ngày 28/11/2022 đã đảm bảo tính tính hấp dẫn so với mặt bằng lãi suất tại thời điểm, tăng tính linh hoạt khi thị trường tài chính có biến động; Đàm phán thành công việc giảm biên lãi suất tại SHB (biên độ giảm 0,5% với tất cả các khoản vay), giúp lãi suất bình quân khoản trở về mức 8-8.5%/năm trong năm 2024.

❖ **"Kiểm soát rủi ro vận hành thiết bị":** Chủ trương thiết lập dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định qua giải pháp trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế, được thông qua lần đầu tại kỳ ĐHCĐ năm 2023 sẽ đảm bảo tính liên tục công tác vận hành sản xuất và tính ổn định chi phí sản xuất kinh doanh các kỳ.

5. Công tác khác

❖ **Lựa chọn đơn vị kiểm toán:** Tiếp tục lựa chọn đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024, thông qua Quyết định số 06/2024/QĐ-HĐQT ngày 24/6/2024. Báo cáo tài chính được trình ĐHCĐ thông qua tại kỳ đại hội thường niên năm 2025.

❖ **Phân phối lợi nhuận:** Tuân thủ Nghị quyết ĐHCĐ các năm.

❖ **Thù lao HĐQT, BKS:** Tuân thủ Nghị quyết ĐHCĐ các năm.

III. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành được thực hiện thông qua các hình thức: Tổ chức cuộc họp do HĐQT chủ trì, tham gia họp định kỳ do Tổng Giám đốc chủ trì, thông qua báo cáo của Tổng giám đốc bằng văn bản/email. Hoạt động giám sát cho thấy:

- Ban điều hành và tập thể CVCNV đã nỗ lực triển khai hoạt động SXKD, quản lý, vận hành hiệu quả dự án, thường xuyên đưa ra những đề xuất, giải pháp kịp thời, phù hợp tham mưu cho Hội đồng quản trị nhằm tăng doanh thu, tối đa hoá lợi nhuận cho Công ty.
- Ban điều hành tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và các Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT. Ban điều hành cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời tới HĐQT, BKS, tạo điều kiện BKS tiếp cận, kiểm tra tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty;
- Ban điều hành duy trì tốt lịch họp định kỳ, thường xuyên trao đổi, đánh giá rút kinh nghiệm để điều chỉnh các giải pháp quản lý, sản xuất một cách linh hoạt, đạt hiệu quả cao.

IV. ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM KỲ 2025-2030

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Giám sát triển khai thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 theo các chỉ tiêu được ĐHCĐ thường niên thông qua, dự kiến:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025	+/-	TỶ LỆ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6/4)%
I	Sản lượng	kwh	62.266.698	60.178.673	-2.088.025	-3%
II	Doanh thu	tr.đ	71.857	70.674	-1.183,84	-2%
III	Chi phí	tr.đ	53.051	53.325	273	1%
IV	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	18.806	17.349	-1.457	-8%
V	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	17.799	16.399	-1.400	-9%

2. Nhiệm vụ trọng tâm khác giai đoạn 2025-2030

Chỉ đạo triển khai các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Theo dõi chặt chẽ biến động lãi suất và tác động đến các khoản vay, dòng tiền của doanh nghiệp. Từ đó, định hướng tìm kiếm các giải pháp pháp ổn định tài chính, quản lý dòng tiền hiệu quả nhằm duy trì thanh khoản và tối ưu chi phí;

Định hướng chiến lược chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong hoạt động vận hành.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCTC.

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trịnh Nguyên Khánh

Số: 02/2025/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

Về kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch năm 2025 Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2025 như sau:

A. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

I. HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH PHÁT ĐIỆN

Năm 2024 được khởi đầu với tình hình thủy văn kém thuận lợi, đặt ra áp lực phải duy trì cấp nước 40m³/s cho hạ du trong hoàn cảnh nhà máy Cửa Đạt dừng máy vào giờ cao điểm. Tuy nhiên, các giải pháp vận hành linh hoạt và sự nỗ lực tiết kiệm từng lưu lượng nước, cộng với thủy văn khả quan trong 3 tháng cuối năm, đã đem lại kết quả ấn tượng trong hoạt động vận hành phát điện năm 2024.

**Kỷ lục ngày**
364.326 kWh**Tiêu hao nước**
45,76 m³/kWh**Sản lượng**
62.266.698 kWh**Doanh thu**
71,85 tỷ đồng

- Kỷ lục phát điện ngày được xác lập mới vào ngày 11/10/2024, đạt 364.326 kWh. Đây là một cột mốc quan trọng, vượt qua các kỷ lục trước đó vào ngày 31/8/2021 (325.433 kWh) và 14/10/2022 (362.121 kWh); Suất tiêu hao nước đạt 45,76 m³/kWh, là chỉ tiêu quan trọng thể hiện hiệu quả phương thức vận hành chạy máy; Sản lượng đạt 62.266.698 kWh, doanh thu đạt 71.857.388.103 đồng, vượt kế hoạch đặt ra.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

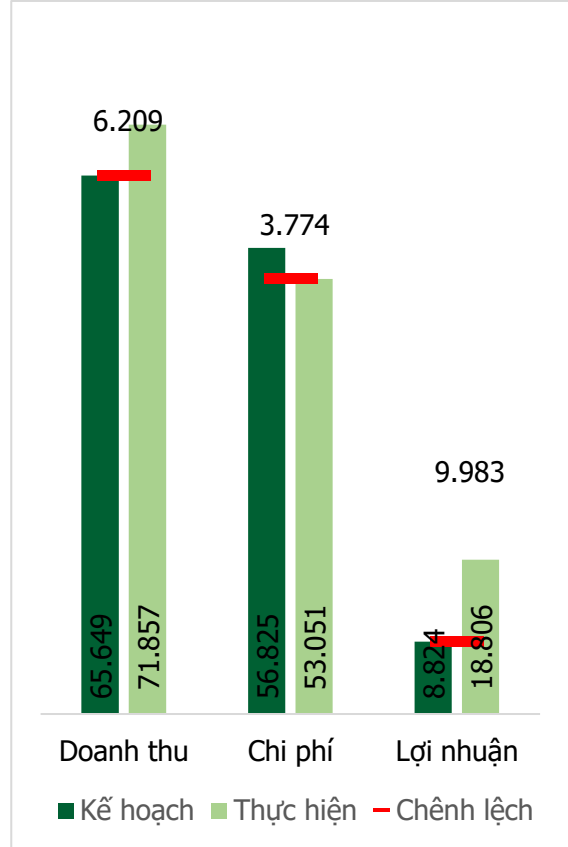
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2023	KH 2024	TH 2024	ĐÁNH GIÁ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6/5)%	(8)=(6/4)%
I	Sản lượng	kwh	53.763.315	52.014.563	62.266.698	120%	116%
II	Doanh thu	tr.đ	65.821	65.649	71.857	109%	109%
III	Chi phí	tr.đ	60.058	56.825	53.051	93%	88%
1	Chi phí sản xuất	tr.đ	29.441	30.908	29.687	96%	101%
2	Chi phí quản lý, khác	tr.đ	5.337	5.559	6.003	108%	112%
3	Chi phí tài chính	tr.đ	25.280	20.358	17.361	85%	69%
IV	LN trước thuế	tr.đ	5.763	8.824	18.806	213%	326%
V	LN sau thuế	tr.đ	4.937	7.974	17s.799	223%	361%

Sản lượng: Đạt **62.266.698 kWh**, vượt 20% so với kế hoạch (52.014.563 kWh) và tăng 16% so với năm 2023 (53.763.315 kWh). Nguyên nhân: Tình hình thủy văn khả quan trong 3 tháng cuối năm, lưu lượng nước về hồ tăng đột biến giúp cho sản lượng phát điện vượt so với kỳ vọng.

Doanh thu: Đạt **71,85 tỷ đồng**, vượt 9,5% so với kế hoạch (65,64 tỷ đồng) và tăng 9,2% so với năm 2023 (65,82 tỷ đồng). Nguyên nhân: Sản lượng phát điện tăng dẫn tới doanh thu tăng.

Chi phí: Phát sinh **53,051 tỷ đồng**, thấp hơn 6,6% so với kế hoạch (56,825 tỷ đồng) và giảm 11,7% so với năm 2023 (60,05 tỷ đồng). Trong đó, chi phí sản xuất giảm 4% so với kế hoạch, do một số khoản chi phí chưa thực hiện như: Xây nhà kho. Chi phí lãi vay giảm đáng kể (15%) so với kế hoạch, do lãi suất vay ngân hàng SHB giảm từ 10,5% xuống 8,7%, lãi suất vay cá nhân, tổ chức khác giảm 10% xuống 9%.

Lợi nhuận sau thuế: Đạt **17,79 tỷ đồng**, vượt 123,2% so với kế hoạch (7,97 tỷ đồng) và tăng 260,1% so với năm 2023 (4,94 tỷ đồng). Nguyên nhân do sự tăng, giảm của chỉ tiêu doanh thu và chi phí.

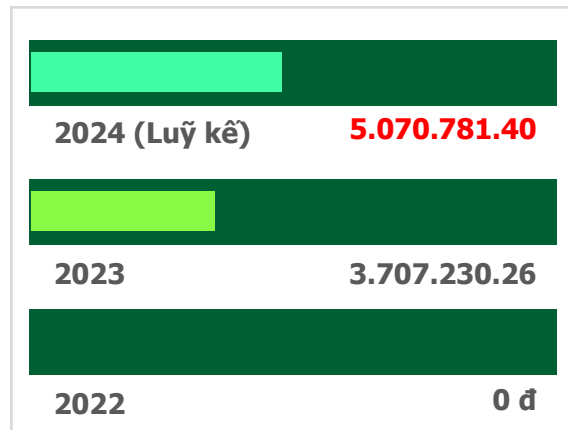


Kết quả SXKD năm 2024

III. HOẠT ĐỘNG BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ

Thực trạng: Hệ thống máy móc thiết bị nhà máy Xuân Minh đã vận hành trên 5 năm. Thiết bị đã đến giai đoạn hao mòn. Tuổi thọ thiết bị giảm dần. Một số model đã lạc hậu, khó tìm kiếm chủng loại thay thế.

Mục tiêu: Với mục tiêu đảm bảo vận hành ổn định, kéo dài tuổi thọ của nhà máy, việc tăng cường giám sát thiết bị là điều kiện tiên quyết giảm thiểu sự cố không mong muốn. Bên cạnh đó, cần thay thế kịp thời các thiết bị không đảm bảo về mặt kỹ thuật, an toàn lao động.



Số liệu quỹ đầu tư phát triển

Kết quả: Trong năm 2024, nhà máy không xảy ra sự cố chủ quan; Không có tình trạng phải dừng máy chờ sửa chữa; Tối ưu được sản lượng phát điện của cả Xuân Minh và Bái Thượng; Suất tiêu hao nước đạt 45,76 m³/kWh. Đây là các chỉ tiêu quan trọng đạt được, phản ánh hiệu quả trong công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị. Tính đến 2024, nhằm mục đích dự phòng mua sắm thiết bị có giá trị lớn, việc quỹ đầu tư phát triển đã đạt lũy kế 5,07 tỷ đồng. Chi tiết tại báo cáo tình trạng MMTB đính kèm.

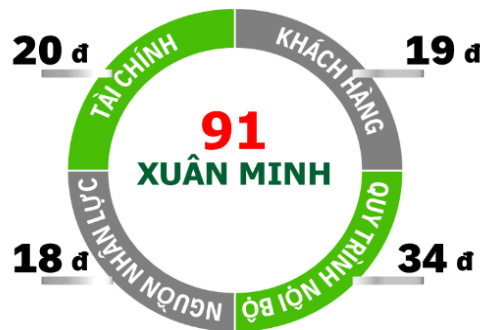
IV. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Vay và dư nợ vay trong 2024

Trong năm 2024, kết quả phát điện khả quan đã đảm bảo duy trì dòng tiền từ sản xuất kinh doanh và trả gốc và lãi vay dài hạn. Trả gốc trong năm đạt 22,64 tỷ đồng. Dư nợ vay tại 31/12/2024 là 204,72 tỷ đồng. Trong đó, dư nợ tại SHB là 164,78 tỷ đồng.

Đơn vị	ĐVT	01/01/2024	31/12/2024	Tăng/giảm so đầu năm
Ngắn hạn	tr.đ	38.233	39.929	1.695
Cá nhân/tổ chức	tr.đ	38.233	39.929	1.695 ▲
Ngân hàng	tr.đ			
Dài hạn đến hạn trả	tr.đ	24.333	24.333	0
Cá nhân/tổ chức	tr.đ	0	0	0 ●
Ngân hàng	tr.đ	24.333	24.333	0 ●
Dài hạn	tr.đ	164.783	140.450	-24.333
Cá nhân/tổ chức	tr.đ	0	0	0
Ngân hàng	tr.đ	164.783	140.450	-24.333 ▼
Cộng	tr.đ	227.350	204.712	-22.638

V. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NỘI BỘ



Thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard-BSC) năm 2024

Tài chính-20/20 điểm: Đạt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đặt ra trong năm 2024; Đảm bảo được nguồn tiền hoạt động.

Khách hàng-19/20 điểm: Đạt tiến độ thanh toán; Hài hoà được lợi ích sử dụng nước vào mùa khô; Đảm bảo được chất lượng tiểu tu, bảo dưỡng. Tuy nhiên, tiêu chí vật tư, thiết bị dự phòng đúng chủng loại, đúng thông số kỹ thuật gặp khó khăn do model đã lỗi thời, chỉ đạt ở tiêu chí tương đương, có thể thay thế được.

Quy trình nội bộ-34/35 điểm: Vận hành hiệu quả; Đảm bảo 100% an toàn máy móc thiết bị; Đảm bảo 100%

Cải tiến Kaizen trong năm 2024

- Cải tiến đường ống dầu bơm rò rỉ, chấm dứt tình trạng thất thoát dầu tại hệ thống điều tốc

an toàn lao động; Ứng dụng hiệu quả chương trình tính toán, phần mềm hỗ trợ ra quyết định vận hành (HNT của KIV, seho của weather plus); Ứng dụng hiệu quả các công cụ quản lý hiện đại như 5S, Kaizen, SAP; Đã và đang từng bước đưa công nghệ AI vào hỗ trợ công việc.

Nguồn nhân lực-18/25 điểm: Đạt 10/15 số lượng nhân sự vận hành có thể đảm nhiệm cả sửa chữa nhỏ, với 6 đầu mục công việc chính như: Bảo trì hệ thống chiếu sáng; Vệ sinh vành góp, chổi than; Bảo dưỡng máy lọc dầu; Bảo dưỡng điều hòa; Bảo trì bơm số 1 tổ H2; Lọc hệ thống dầu nhà máy. Tuy nhiên, trong 2024, chưa phát sinh đào tạo sửa chữa nhỏ hệ thống mới. Ngoài ra, tần suất đánh giá BSC chưa thường xuyên theo mục tiêu 1 tháng/lần.

B. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH VÀ QUẢN TRỊ NĂM 2025

Kế hoạch 2025 được xây dựng trên cơ sở đánh giá thận trọng các yếu tố thị trường, tình hình thủy văn, và khả năng vận hành của nhà máy. Kế hoạch 2025 tập trung vào việc kiểm soát chi phí và tối ưu hóa sản lượng, đồng thời duy trì các hoạt động quản trị nội bộ hiệu quả. Với phương châm "Kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro", Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đặt ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025	+/-	TỶ LỆ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(6/4)%
I	Sản lượng	kwh	62.266.698	60.178.673	-2.088.025	-3%
II	Doanh thu	tr.đ	71.857	70.674	-1.183,84	-2%
III	Chi phí	tr.đ	53.051	53.325	273	1%
1	Chi phí sản xuất	tr.đ	29.687	31.956	2.269	7%
2	Chi phí quản lý, khác	tr.đ	6.003	4.370	-1.632,81	-37%
3	Chi phí tài chính	tr.đ	17.361	16.999	-363	-2%
IV	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	18.806	17.349	-1.457	-8%
V	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	17.799	16.399	-1.400	-9%

Sản lượng: 60.178.673 kWh (giảm 3% so với sản lượng thực tế năm 2024).

Doanh thu: 70,67 tỷ đồng (giảm 2% so với doanh thu 2024) do sản lượng phát điện đặt kỳ vọng thấp hơn.

Chi phí: 53,32 tỷ đồng (tăng nhẹ so với năm 2024). Trong đó chi phí sản xuất tăng 7% so với thực hiện năm 2024, do trong 2025 dự kiến phát sinh một số khoản chi: Xây nhà kho, bảo dưỡng đập tràn, giai cố mái nhà máy. Ngoài ra, các hợp đồng duy tu, tiểu tu, thuê đường dây tăng 10%.

Lợi nhuận sau thuế: 16,39 tỷ đồng (thấp hơn so với năm 2024)

II. KẾ HOẠCH DÒNG TIỀN NĂM 2025

	Nội dung	Số tiền (tr.đ)
1	Tiền và tương đương tiền tại 01/01/2025	2.073
2	Dòng tiền từ phát điện 2025	85.296
3	Dòng tiền ra 2025	93.093
	Duy trì SXKD	18.093
	Nộp thuế, phí	17.668
	Trả gốc+lãi vay đến hạn	45.332
	- Gốc + lãi SHB	38.060
	- Gốc + Lãi cá nhân/tổ chức khác	7.272
	Trả cổ tức 2024	12.000
4	Dư nguồn trong 2025 (4=1+2-3)	-5.724
5	Dư nợ cá nhân/tổ chức khác tại 31/12/2024	39.929
6	Dư nợ cá nhân/tổ chức khác dự kiến tại 31/12/2025 (6=5-4)	45.653

Trước kì vọng sản lượng phát điện đạt 60,19tr.kWh, dòng tiền hoạt động năm 2025 dự kiến tương đối khả quan để duy trì ổn định sản xuất kinh doanh. Với kế hoạch trả cổ tức 2024 tỷ lệ 8%, sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, phí (17,67 tỷ), nghĩa vụ trả gốc lãi định kỳ (45,33 tỷ), nguồn vay cá nhân dự kiến bổ sung trong năm khoảng 5,7 tỷ. Như vậy, mức dư nợ tại 31/12/2025 của các khoản vay cá nhân, tổ chức khác (ngoài khoản vay dài hạn tại SHB) dự kiến khoảng 45,6 tỷ.

III. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH VÀ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NĂM 2025



Thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard-BSC) năm 2025

TÀI CHÍNH-23%:

- Đạt chỉ tiêu SXKD 2025 đã đặt ra
- Giảm thiểu chênh lệch chi phí kế toán và chi phí thuế
- Kiểm soát chi phí tài chính: Lãi suất vay bình quân $\leq 10\%$
- Không bị thiếu hụt nguồn tiền: Duy trì hạn mức vay cá nhân, tổ chức khác ≤ 35 tỷ; Duy trì trích quỹ đầu tư phát triển $\geq 10\%$ LNST
- Giảm thất thoát vật tư, nhiên liệu: Giữ mức tổn thất dầu hệ thống điều tốc và bôi trơn $\leq 10\%$ khối lượng sử dụng

KHÁCH HÀNG-20%:

- EVN: Tiến độ thanh toán ≤ 15 ngày kể từ khi gửi hồ sơ
- A1: Không bị đề nghị dừng máy phát điện
- Sông Chu: Tích nước giờ cao điểm nhưng vẫn đảm bảo duy trì nước tưới tiêu

- Cửa Đạt: Tối ưu sản lượng cao điểm Xuân Minh, Bái Thượng.
- ME: Chất lượng thiết bị sửa chữa, thay thế.
- Khác: Không để quá hạn nộp 50 đầu mục báo cáo định kỳ

QUY TRÌNH-45%:

- Vận hành hiệu quả: CS phát điện giờ cao điểm/CS thiết kế $\geq 14\text{MW}/15\text{MW}$; Tiêu hao nước/kWh $\leq 48\text{m}^3/\text{kWh}$
- An toàn máy móc, thiết bị: Khảo sát, đánh giá chuyên sâu thiết bị bằng máy móc chuyên dụng; Chủ động đề xuất yêu cầu bảo dưỡng với ME; Dự phòng, thay thế các thiết bị nguy cơ dẫn đến sự cố
- An toàn môi trường lao động: Gia cố một số vị trí nguy cơ mất an toàn: Đỉnh đập tràn; Mái nhà Xây nhà kho bảo quản vật tư.
- An toàn vận hành: Tổ chức ca kíp: Không xảy ra tình trạng Bảo hộ lao động không đúng quy định, làm việc riêng, sao lãng trong ca trực, ngủ ca đêm dẫn đến sự cố; Tổ chức nơi làm việc: Không xảy ra tình trạng vi phạm nội quy, quy trình, quy phạm, an toàn điện.

NHÂN LỰC-12%:

- Nhân sự: Tự sửa chữa nhỏ các hệ thống phụ: Bơm nước cứu hỏa; Bơm nước rò rỉ; Bơm tháo cạn; Bơm chống ngập; Khí nén cao - hạ áp.
- Đào tạo nội bộ: Liên phân hệ PM-MM-FI trên SAP và 01 trưởng ca dự phòng.

Trên đây là các nội dung kết quả sản xuất năm 2024 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh. Hội đồng quản trị Công ty kính báo cáo Đại Hội đồng cổ đông chỉ đạo chủ trương thực hiện.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCKH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trịnh Nguyên Khánh

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ

- Chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Thủy điện Xuân Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty")
- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát Công ty năm 2024

Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 03 thành viên:

- Bà Đinh Thị Hạnh - Trưởng Ban
- Ông Trần Xuân Ninh - Thành viên
- Ông Nguyễn Hồ Ngọc - Thành viên

Ban Kiểm soát Công ty CP Thủy điện Xuân Minh báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 kết quả hoạt động năm 2024, phương hướng nhiệm vụ hoạt động năm 2025, cụ thể như sau:

A. HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂM 2024

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để HĐQT bổ nhiệm đơn vị kiểm toán theo ủy quyền của Đại hội cổ đông thường niên năm 2024
2. BKS tập trung kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty. Lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác hàng quý, xác định nội dung trọng điểm cho từng hoạt động đầu tư hay vận hành để xây dựng nội dung kiểm soát phù hợp
3. Tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT Công ty hàng quý, năm đồng thời đã có những góp ý, ý kiến tham gia về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty
4. Kiểm tra, rà soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024, đánh giá những chỉ tiêu đạt được và chưa đạt, có phân tích nguyên nhân cụ thể
5. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên công tác quản trị, điều hành việc thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban TGD theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã ban hành và Điều lệ của Công ty.
6. Rà soát các quy định, quy chế nội bộ của công ty, đưa ra các khuyến nghị sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế công ty và pháp luật quy định.
7. Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty; Tình hình quản lý công nợ và khả năng thanh toán; về quản lý khai thác tài sản, về doanh thu và chi phí để phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và đầu tư, từ đó đề xuất kiến nghị kịp thời với Công ty
8. Kiểm soát BCTC đã được Công ty Kiểm toán soát xét 06 tháng đầu năm và kiểm toán năm 2024, có ý kiến đóng góp đảm bảo báo cáo được lập theo chuẩn mực, phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty.
9. BKS tham gia các ý kiến đóng góp cho công tác quản trị hoạt động SXKD của Công ty
10. Một số hoạt động khác theo phân công nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Các thành viên Ban kiểm soát đã nỗ lực phát huy năng lực chuyên môn, kinh nghiệm trong việc giám sát hoạt động tài chính, giám sát việc quản lý và điều hành của HĐQT và Ban TGD để hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, góp phần cùng

HĐQT và bộ máy điều hành thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

II. Kết quả kiểm tra hoạt động

1. Đánh giá tổng quan

Bộ máy nhân sự ổn định, linh hoạt nhân sự vận hành có khả năng đảm nhiệm cả việc sửa chữa nhỏ.

2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các phiên họp và ban hành Nghị quyết theo đúng trình tự thủ tục, phù hợp chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT quy định theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty với các nội dung chính như sau:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
- Chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán năm 2024 theo ủy quyền của ĐHĐCĐ
- Phê duyệt các hoạt động khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư kịp thời, thực hiện theo đúng Điều lệ hoạt động của Công ty và các quy định của pháp luật.

3. Đánh giá hoạt động của Ban TGD

Ban TGD đã tích cực triển khai các nhiệm vụ công việc được giao nêu trong Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT. Ban TGD Công ty đã tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh vượt mức so với kế hoạch đề ra như sau (Số liệu được lấy theo BCTC đã được kiểm toán năm 2024):

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2023	KH 2024	TH 2024	ĐÁNH GIÁ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6/5)%	(8)=(6/4)%
I	Sản lượng	kwh	53.763.315	52.014.563	63.159.079	121%	117%
II	Doanh thu	tr.đ	65.821	65.649	71.857	109%	109%
III	Chi phí	tr.đ	60.058	56.825	53.051	93%	88%
1	Chi phí sản xuất	tr.đ	29.441	30.908	29.687	96%	101%
2	Chi phí quản lý, khác	tr.đ	5.337	5.559	6.003	108%	112%
3	Chi phí tài chính	tr.đ	25.280	20.358	17.361	85%	69%
IV	LN trước thuế	tr.đ	5.763	8.824	18.806	213%	326%
V	LN sau thuế	tr.đ	4.937	7.974	17.799	223%	361%

Tổng doanh thu, thu nhập khác đạt 71,8 tỷ đồng, tăng 6,2 tỷ đồng (tương đương 9%) so với kế hoạch đầu năm. Nguyên nhân do tình hình thủy văn thuận lợi những tháng cuối năm dẫn đến sản lượng phát điện cao.

Tổng chi phí: 53 tỷ đồng giảm 3,7 tỷ (tương đương 7%) so với kế hoạch đầu năm, ảnh hưởng bởi tỷ trọng tăng, giảm của các chỉ tiêu chi phí. Cụ thể:

- Chi phí sản xuất giảm 1,2 tỷ (tương đương 4%) so với kế hoạch đầu năm, nguyên nhân từ việc chi phí chưa thực hiện như chi phí xây nhà kho.
- Chi phí tài chính giảm 3,9 tỷ (tương đương 15%) so với kế hoạch đầu năm nguyên nhân do lãi suất khoản vay giảm cụ thể lãi suất ngân hàng giảm từ 10,5% xuống 8,7%, lãi vay cá nhân giảm từ 10% xuống 9%.

Tình hình tài chính của Công ty được đánh giá qua một số chỉ tiêu cơ bản sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	2023	2024	+/-	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	tr.đ	12.960	11.927	-1.033	-7,97%
Tài sản dài hạn	tr.đ	391.258	372.166	-19.092	-4,88%
Tổng tài sản	tr.đ	404.219	384.093	-20.126	-4,98%
Nợ ngắn hạn	tr.đ	67.291	70.772	3.481	5,17%
Nợ dài hạn	tr.đ	164.783	140.450	-24.333	-14,77%
Tổng nợ phải trả	tr.đ	232.074	211.222	-23.334	-10,05%
Vốn góp CSH	tr.đ	150.000	150.000	0	0,00%
LN chưa phân phối	tr.đ	18.437	22.870	4.433	24,04%
Tổng vốn CSH	tr.đ	168.437	172.870	-29	0,00%

Tổng tài sản giảm 20 tỷ tương đương với 4,9% trong đó nguyên nhân từ việc giảm tài sản dài hạn 19 tỷ. Tỷ trọng giảm tài sản dài hạn chủ yếu nằm ở giảm giá trị tài sản cố định do khấu hao TSCĐ.

Tổng nợ phải trả giảm mạnh 23,3 tỷ tương đương với 10% so với đầu năm trong đó nguyên nhân giảm từ việc giảm nợ dài hạn do Công ty đã thanh toán một phần gốc vay dài hạn của ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.

Chỉ tiêu	ĐVT	2023	2024
Chỉ tiêu về cân bằng tài chính			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	0,19	0,17
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	lần	0,57	0,55
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	1,38	1,22
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,22	4,6
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,93	10,3

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn là 0,17 cho thấy đơn vị có thể gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

Chỉ tiêu	ĐVT	2.023	2024
Lợi nhuận Kế toán trước thuế	tr.đ	5.763	18.806
Chi phí lãi vay	tr.đ	25.280	17.361
Tiền lãi vay đã trả	tr.đ	(24.130)	(15.505)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	tr.đ	24.511	40.100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	tr.đ	(35)	48
Tiền thu từ đi vay	tr.đ	37.465	6.949
Tiền trả nợ gốc vay	tr.đ	(59.729)	(31.495)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	tr.đ	732	15.901
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	tr.đ	(22.997)	(40.447)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	tr.đ	1.479	(297)

Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh thu về số tiền 40,1 tỷ, so với năm 2023 dòng tiền thu từ kinh doanh tăng 63%; tiền thuần từ hoạt động tài chính chi ra số tiền 40,4 tỷ, trong đó chi trả cổ tức 15,9 tỷ, trả nợ gốc vay 31,4 tỷ. Dòng tiền trong năm chủ yếu được chi trả nợ gốc vay và cổ tức.

4. Kết quả thẩm định BCTC năm 2024

Báo cáo tài chính năm 2024 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty, đúng chuẩn mực Kế toán Việt Nam và quy định về pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính năm 2024 mà Hội đồng quản trị đề trình lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, HĐQT, Ban TGD

Ban kiểm soát, HĐQT và Ban TGD Công ty đã duy trì được mối quan hệ cộng tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ. Trong năm 2024, HĐQT cùng Ban TGD và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát. Công ty đã thực hiện công tác công bố thông tin theo đúng quy định.

III. Kết luận và Kiến nghị

1. Kết luận

Năm 2024 với sự nỗ lực của HĐQT và Ban TGD kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vượt kế hoạch đề ra. Ban kiểm soát đánh giá cao những cố gắng của HĐQT và Ban TGD trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, đầu tư cũng như ứng phó kịp thời những biến động của thị trường và điều kiện tự nhiên.

2. Kiến nghị

- HĐQT, Ban TGD tiếp tục bám sát tình hình thủy văn, thực hiện kế hoạch vận hành phát điện hợp lý, linh hoạt để đạt mục tiêu đề ra.
- Thực hiện các giải pháp để tối ưu chi phí như chi phí lãi vay, chi phí quản lý.
- Xây dựng kế hoạch dòng tiền phù hợp, đảm bảo ổn định tài chính.
- Tăng cường giám sát thiết bị, chuẩn bị nguồn mua sắm thiết bị dự phòng thay thế đảm bảo máy móc vận hành liên tục, ổn định, giảm thiểu sự cố.
- Trong năm 2024, Công ty có các giao dịch với các bên có mối quan hệ liên kết theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết như VCP, Thủy điện Nậm La, Thủy điện Bái Thượng... BKS cảnh báo và khuyến nghị Ban TGD về việc khống chế chi phí lãi vay khi tính thuế TNDN trong kỳ và các báo cáo liên quan đến nghĩa vụ kê khai giao dịch liên kết. Theo dõi chi tiết chi phí lãi vay không được trừ làm căn cứ ghi nhận trong các năm tiếp theo quy định (trong 05 năm).

B. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2025

I. Nhiệm vụ chung

- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Trong năm 2025, Ban kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát định kỳ theo điều lệ của công ty và quy chế hoạt động, lấy ngăn ngừa làm mục tiêu chính, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Luật doanh nghiệp, góp phần làm cho đơn vị ngày càng phát triển và đạt hiệu quả SXKD cao, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, quyền lợi của người lao động.

II. Nhiệm vụ cụ thể năm 2025

- Phân công cụ thể và hợp lý công việc của các thành viên trong Ban kiểm soát, phụ trách kiểm soát hoạt động quản trị, điều hành, đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc chấp hành điều lệ của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện các quy chế nội bộ, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông công ty.

- Kiểm tra giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
- Soát xét Báo cáo tài chính định kỳ theo quý.
- Đảm bảo đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích của cổ đông.
- Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty, từ đó kịp thời đưa ra các đề xuất, cảnh báo hỗ trợ hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị và Ban TGD.

Trên đây là Báo cáo về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Thủy điện Xuân Minh năm 2024; phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên,
- HĐQT,
- Lưu VP Cty + BKS

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đinh Thị Hạnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)



Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính,
thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 28
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 28

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính,
thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2802200078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 03/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 20/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Trịnh Nguyên Khánh	Chủ tịch	
Bà	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	
Ông	Phạm Văn Minh	Thành viên	
Bà	Phùng Thị Thu Huyền	Thành viên	
Ông	Nguyễn Thanh Phương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2024)
Ông	Lê Văn Thủy	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2024)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Phạm Quang Minh	Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Tiến Luật	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Đinh Thị Hạnh	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Hồ Ngọc	Thành viên
Ông	Trần Xuân Ninh	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là ông Phạm Quang Minh – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính,
thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Quang Minh

Tổng Giám đốc

Thanh Hoá, ngày 24 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh được lập ngày 24 tháng 02 năm 2025, từ trang 5 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025



Hoàng Đức Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4876-2024-002-1

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy
điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện
Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		11.927.286.540	12.960.630.658
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		1.774.919.107	2.072.886.096
111	1. Tiền	3	1.774.919.107	2.072.886.096
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.061.825.567	8.087.608.449
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	7.680.599.967	7.728.608.449
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		54.000.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	327.225.600	359.000.000
140	III. Hàng tồn kho		2.090.541.866	1.924.136.113
141	1. Hàng tồn kho	6	2.090.541.866	1.924.136.113
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		-	876.000.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	-	876.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		372.165.780.033	391.258.779.351
220	I. Tài sản cố định		365.898.351.508	385.213.644.672
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	346.724.237.935	365.574.704.103
222	- Nguyên giá		463.972.820.519	463.972.820.519
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(117.248.582.584)	(98.398.116.416)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	19.174.113.573	19.638.940.569
228	- Nguyên giá		21.818.442.843	21.818.442.843
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.644.329.270)	(2.179.502.274)
260	II. Tài sản dài hạn khác		6.267.428.525	6.045.134.679
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	6.267.428.525	6.045.134.679
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		384.093.066.573	404.219.410.009

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy
điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện
Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		211.222.314.391	232.074.628.609
310	I. Nợ ngắn hạn		70.771.932.008	67.291.263.434
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	188.343.810	357.750.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2.844.727.796	2.299.378.522
314	3. Phải trả người lao động		681.676.030	-
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	1.625.334.045	1.495.705.509
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	1.169.130.800	572.052.400
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10	64.261.494.527	62.566.377.003
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.225.000	-
330	II. Nợ dài hạn		140.450.382.383	164.783.365.175
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10	140.450.382.383	164.783.365.175
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		172.870.752.182	172.144.781.400
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	172.870.752.182	172.144.781.400
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.070.781.400	3.707.230.266
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.799.970.782	18.437.551.134
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	13.500.000.000
421b	LNST chưa phân phối năm nay		17.799.970.782	4.937.551.134
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		384.093.066.573	404.219.410.009


Đỗ Thị Hồng Ngát
Người lập biểu


Đinh Thùy Lâm
Kế toán trưởng


Phạm Quang Minh
Tổng Giám đốc
Thanh Hoá, ngày 24 tháng 02 năm 2025



Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy
điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện
Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	71.497.768.393	65.320.188.125
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		71.497.768.393	65.320.188.125
11	4. Giá vốn hàng bán	18	29.686.956.170	29.441.347.194
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		41.810.812.223	35.878.840.931
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	48.990.435	3.871.304
22	7. Chi phí tài chính	20	17.361.261.264	25.280.064.535
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		17.361.261.264	25.280.064.535
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	5.466.624.772	5.006.148.893
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.031.916.622	5.596.498.807
31	11. Thu nhập khác	22	310.629.275	497.273.154
32	12. Chi phí khác		536.485.514	330.461.911
40	13. Lợi nhuận khác		(225.856.239)	166.811.243
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.806.060.383	5.763.310.050
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	1.006.089.601	825.758.916
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		17.799.970.782	4.937.551.134
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	1.165	308

Ngát

Đỗ Thị Hồng Ngát
Người lập biểu

Lâm

Đinh Thùy Lâm
Kế toán trưởng



Phạm Quang Minh
Tổng Giám đốc

Thanh Hoá, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy
điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện
Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		18.806.060.383	5.763.310.050
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		19.315.293.164	19.378.107.416
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(48.990.435)	(3.871.304)
06	- Chi phí lãi vay		17.361.261.264	25.280.064.535
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		55.433.624.376	50.417.610.697
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		25.782.882	2.285.783.583
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(166.405.753)	(454.495.828)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		1.058.010.189	(917.242.860)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		653.706.154	(48.132.950)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(15.505.773.571)	(24.130.297.968)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(825.758.916)	(1.349.179.398)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(572.775.000)	(1.292.465.499)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		40.100.410.361	24.511.579.777
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(39.843.636)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		48.990.435	3.871.304
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		48.990.435	(35.972.332)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		6.949.889.157	37.465.133.981
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(31.495.319.542)	(59.729.949.457)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(15.901.937.400)	(732.375.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(40.447.367.785)	(22.997.190.476)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(297.966.989)	1.478.416.969
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.072.886.096	594.469.127
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		1.774.919.107	2.072.886.096

Ngát

Đỗ Thị Hồng Ngát
Người lập biểu

Lâm

Đinh Thùy Lâm
Kế toán trưởng



Phạm Quang Minh
Tổng Giám đốc

Thanh Hoá, ngày 24 tháng 02 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2802200078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 03/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 20/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 23 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 23 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện,...

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại ngày 31/12/2024, tài sản ngắn hạn của Công ty đang thấp hơn nợ ngắn hạn với số tiền là 58.844.645.468 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 27.832.982.792 VND (tương ứng tại ngày 01/01/2024 số nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn của Công ty là 54.330.632.776 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 61.002.208.730 VND) cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng thanh toán của Công ty trong 12 tháng tới phụ thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh thời gian tới cũng như khả năng huy động vốn từ các tổ chức tín dụng.

Tuy nhiên, qua đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh thực tế cũng như các phân tích dòng tiền hoạt động của Công ty trong thời gian tới, cụ thể là kế hoạch gia hạn các khoản vay cá nhân, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh mua bán điện, đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên khi đến hạn phải trả và có thể tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường. Do đó, Báo cáo tài chính này được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Trong năm 2024, do tình hình thủy văn thuận lợi, lưu lượng nước về hồ thủy điện tăng dẫn đến doanh thu bán điện năm 2024 tăng nhẹ so với năm 2023, cùng với đó giá vốn bán điện năm 2024 biến động không đáng kể so với năm 2023 do chủ yếu là các chi phí cố định. Đồng thời, chi phí lãi vay năm 2024 giảm mạnh so với năm 2023 do gốc vay và lãi suất vay giảm dẫn đến lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2024 tăng mạnh.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Quyền sử dụng đất	47 năm

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí dịch vụ triển khai phần mềm được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.
- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Chi phí gia cố thượng lưu và đập gia tải đập phụ đang được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 60 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng trong 36 tháng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí thuê đường dây 110kV được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.18 . Chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính của Công ty là chi phí lãi vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Chính sách Ưu đãi thuế

Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế như sau:

Văn bản	Tóm tắt các ưu đãi thuế	Thời hạn hiệu lực
Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.	Công ty nộp thuế TNDN cho thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2018 đến năm 2032). Công ty được miễn thuế 4 năm (từ năm 2019 đến năm 2022) kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ hoạt động thủy điện và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).	Năm 2024 là năm tài chính thứ 06 của Công ty kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế. Do đó, Công ty đang được hưởng ưu đãi thuế giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp và áp dụng thuế suất ưu đãi 10%.

c. Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Thuế suất 10% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi địa bàn đầu tư;
- Thuế suất 20% đối với các hoạt động còn lại.

2.20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy
điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện
Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.22 . Thông tin bộ phận

Do Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện năng tại Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	340.349.628	133.425.893
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.434.569.479	1.939.460.203
	1.774.919.107	2.072.886.096

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	22.680.000	55.080.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	-	9.720.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	22.680.000	45.360.000
Bên khác	7.657.919.967	7.673.528.449
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	7.638.085.969	7.649.348.348
- Công ty Điện lực Thanh Hóa - Điện lực Thường Xuân	19.833.998	24.180.101
	7.680.599.967	7.728.608.449

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tạm ứng	-	35.000.000
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	324.000.000	324.000.000
Bên liên quan		
+ Ông Trịnh Nguyên Khánh	60.000.000	60.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	48.000.000	48.000.000
+ Bà Phùng Thị Thu Huyền	48.000.000	28.000.000
+ Ông Phạm Văn Minh	48.000.000	48.000.000
+ Ông Lê Văn Thủy	-	36.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	-	20.000.000
+ Ông Nguyễn Thanh Phương	36.000.000	-
+ Bà Đinh Thị Hạnh	36.000.000	36.000.000
+ Ông Nguyễn Hồ Ngọc	24.000.000	24.000.000
+ Ông Trần Xuân Ninh	24.000.000	24.000.000
- Bảo hiểm xã hội chi hộ	3.225.600	-
	327.225.600	359.000.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	2.042.409.265	1.881.203.113
- Công cụ, dụng cụ	48.132.601	42.933.000
	2.090.541.866	1.924.136.113

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại thời điểm 31/12/2024, tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có nguyên giá 21.818.442.843 VND. Giá trị còn lại và hao mòn lũy kế lần lượt là 19.174.113.573 VND và 2.644.329.270 VND, trong đó khấu hao năm 2024 là 464.826.996 VND.

Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Nguyên giá 20.102.996.170 VND là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng còn lại tại xã Xuân Cẩm, Xuân Cao, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa sau khi bù trừ tiền thuê đất (Thuyết minh 9) theo Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014.
- Nguyên giá 1.715.446.673 VND là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án di dời các hộ sạt lở tại Vung Láu, thôn Tiến Sơn 1, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng dự án di dời các hộ sạt lở tại Vung Láu, thôn Tiến Sơn 1, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm khoản vay: 19.174.113.573 VND.

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Chi phí dịch vụ triển khai phần mềm SAP S/4HANA	-	876.000.000
	-	876.000.000
Dài hạn		
- Chi phí thuê đất (*)	4.502.534.326	4.613.252.384
- Chi phí gia cố thượng lưu và đắp gia tải đập phụ	727.364.267	1.240.797.867
- Chương trình vận hành hồ chứa	253.333.333	-
- Chi phí sửa chữa lớn	284.610.833	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ	499.585.766	191.084.428
	6.267.428.525	6.045.134.679

(*) Mảnh đất Công ty thuê tại huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa để sử dụng với mục đích phục vụ cho công trình Thủy điện Xuân Minh với thời hạn thuê đến tháng 8 năm 2065. Diện tích khu đất thuê là 179.296,3 m². Số dư cuối năm là số chi phí giải phóng mặt bằng được cơ quan thuế chấp nhận bù trừ với tiền thuê đất hàng năm theo Công văn số 2825/CT-TTHT ngày 21/06/2019 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa, và sau khi đã được phân bổ 101 tháng. Tổng thời gian phân bổ là 589 tháng, thời gian phân bổ còn lại là 488 tháng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

10 . VAY

Xem chi tiết Phụ lục 02.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	148.837.500	141.750.000
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	148.837.500	141.750.000
Bên khác	39.506.310	216.000.000
- Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	-	216.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng	39.506.310	-
	188.343.810	357.750.000

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Trong năm		31/12/2024
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	550.523.904	5.976.490.493	5.963.460.033	563.554.364
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	825.758.916	1.006.089.601	825.758.916	1.006.089.601
- Thuế Thu nhập cá nhân	6.317.021	590.762.305	403.127.700	193.951.626
- Thuế Tài nguyên	392.045.993	6.324.226.413	6.323.408.253	392.864.153
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	524.732.688	3.037.749.128	2.874.213.764	688.268.052
	2.299.378.522	16.938.317.940	16.392.968.666	2.844.727.796

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay phải trả	860.591.765	912.669.189
- Chi phí thuê đường dây 110kV	764.742.280	583.036.320
	1.625.334.045	1.495.705.509

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trong đó: Bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	764.742.280	583.036.320
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	21.213.699	105.580.821
- Ông Phạm Tiến Luật	14.065.086	15.451.513
- Ông Nguyễn Viết Hoàng	-	8.284.932
- Ông Trịnh Nguyên Khánh	3.832.470	4.139.998
- Ông Nguyễn Thanh Phương	48.523.288	
	852.376.823	716.493.584

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	92.198.200	93.182.400
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.076.932.600	478.870.000
	1.169.130.800	572.052.400

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	-	18.466.063.601	168.466.063.601
Lãi trong năm trước	-	-	4.937.551.134	4.937.551.134
Phân phối lợi nhuận	-	3.707.230.266	(4.966.063.601)	(1.258.833.335)
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	3.707.230.266	18.437.551.134	172.144.781.400
Lãi trong năm nay	-	-	17.799.970.782	17.799.970.782
Phân phối lợi nhuận (i)	-	1.363.551.134	(18.437.551.134)	(17.074.000.000)
Số dư cuối năm	150.000.000.000	5.070.781.400	17.799.970.782	172.870.752.182

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ/XM-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 03 năm 2024 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 04/2024/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 10 năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 và năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	VND	VND
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	7,40%	1.363.551.134
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,36%	250.000.000
Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023	1,76%	324.000.000
Chi trả cổ tức bằng tiền	89,49%	16.500.000.000
(Năm 2022 tương ứng mỗi cổ phần nhận được 900 VND Năm 2023 tương ứng mỗi cổ phần nhận được 200 VND)		
		18.437.551.134

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy
điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện
Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	76.500.000.000	51,00	76.500.000.000	51,00
- Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	25.900.000.000	17,27	7.500.000.000	5,00
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	-	-	18.400.000.000	12,27
- Các cổ đông khác	47.600.000.000	31,73	47.600.000.000	31,73
	150.000.000.000	100,00	150.000.000.000	100,00

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	478.870.000	1.211.245.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	16.500.000.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	16.500.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(15.901.937.400)	(732.375.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(15.901.937.400)	(732.375.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.076.932.600	478.870.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

16 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a. Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty phát sinh hai hợp đồng cho thuê xe ô tô với tổng thu nhập hàng quý là 30.000.000 VND.

b. Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê 179.296,3 m² đất đến ngày 04/08/2065 theo Hợp đồng số 234/HĐTĐ ngày 17/08/2016 với UBND tỉnh Thanh Hóa để thực hiện công trình chính và phụ trợ Thủy điện Xuân Minh. Trong đó:

- Thuê 124.042,2 m² đất tại xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân với đơn giá 418 VND/m²/năm;

- Thuê 55.254,1 m² đất tại xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân với đơn giá 512 VND/m²/năm.

Toàn bộ tiền thuê đất hàng năm được bù trừ với chi phí giải phóng mặt bằng theo Công văn số 2825/CT-TTHT ngày 21/06/2019 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa (Thuyết minh 9).

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu thủy điện	71.374.242.187	65.191.742.739
Doanh thu điện mặt trời áp mái	123.526.206	128.445.386
	71.497.768.393	65.320.188.125

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn thủy điện	29.504.751.170	29.259.142.194
Giá vốn điện mặt trời áp mái	182.205.000	182.205.000
	29.686.956.170	29.441.347.194
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)	3.507.556.196	3.073.283.340

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	48.990.435	3.871.304
	48.990.435	3.871.304

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	17.361.261.264	25.280.064.535
	17.361.261.264	25.280.064.535
Trong đó: Chi phí tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)	502.025.948	1.250.259.028

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	44.278.133
Chi phí nhân công	3.291.887.698	3.086.004.312
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	2.172.727	3.758.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.988.691	59.990.953
Thuế, phí, và lệ phí	3.000.000	3.238.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	453.681.421	875.623.109
Chi phí khác bằng tiền	1.640.894.235	933.255.886
	5.466.624.772	5.006.148.893
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)	324.000.000	300.000.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy
điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện
Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

22 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ bán Chứng chỉ năng lượng tái tạo quốc tế (I-RECs)	190.629.275	200.921.207
Thu nhập từ hoàn trả chi phí quản lý dự án CDP ProA REDP	-	173.795.415
Thu nhập từ cho thuê xe	120.000.000	120.000.000
Thu nhập khác	-	2.556.532
	310.629.275	497.273.154
Trong đó: Thu nhập khác từ bên liên quan	120.000.000	120.000.000

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	18.806.060.383	5.763.310.050
Các khoản điều chỉnh tăng	1.310.057.013	10.401.099.474
- Chi phí không hợp lệ	695.630.369	200.146.079
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP	614.426.644	10.200.953.395
Thu nhập chịu thuế TNDN	20.116.117.396	16.164.409.524
- Thu nhập được hưởng ưu đãi	20.121.792.033	16.047.486.591
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	(5.674.637)	116.922.933
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.012.179.203	1.628.133.246
- Chi phí thuế TNDN hiện hành được hưởng ưu đãi	2.012.179.203	1.604.748.659
- Chi phí thuế TNDN hoạt động không hưởng ưu đãi	-	23.384.587
Số thuế TNDN được giảm theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP	(1.006.089.602)	(802.374.330)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.006.089.601	825.758.916
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	825.758.916	1.349.179.398
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(825.758.916)	(1.349.179.398)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.006.089.601	825.758.916

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	17.799.970.782	4.937.551.134
Các khoản điều chỉnh:	(324.000.000)	(324.000.000)
- Thù lao HĐQT, BKS	(324.000.000)	(324.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	17.475.970.782	4.613.551.134
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.165	308

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy
điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện
Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	239.666.031	230.365.610
Chi phí nhân công	7.507.347.638	7.382.758.599
Chi phí khấu hao TSCĐ	19.270.299.949	19.378.107.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.054.581.674	6.377.172.073
Chi phí khác bằng tiền	2.081.685.650	1.079.092.389
	35.153.580.942	34.447.496.087

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải rủi ro thị trường như biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Cộng
	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024		
Tiền	1.434.569.479	1.434.569.479
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.007.825.567	8.007.825.567
	9.442.395.046	9.442.395.046
Tại ngày 01/01/2024		
Tiền	1.939.460.203	1.939.460.203
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.087.608.449	8.087.608.449
	10.027.068.652	10.027.068.652

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy
điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện
Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	64.261.494.527	97.331.931.168	43.118.451.215	204.711.876.910
Phải trả người bán, phải trả khác	1.357.474.610	-	-	1.357.474.610
Chi phí phải trả	1.625.334.045	-	-	1.625.334.045
	67.244.303.182	97.331.931.168	43.118.451.215	207.694.685.565
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	62.566.377.003	97.331.931.168	67.451.434.007	227.349.742.178
Phải trả người bán, phải trả khác	929.802.400	-	-	929.802.400
Chi phí phải trả	1.495.705.509	-	-	1.495.705.509
	64.991.884.912	97.331.931.168	67.451.434.007	229.775.250.087

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a. Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	6.949.889.157	37.465.133.981
b. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	31.495.319.542	59.729.949.457

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy
điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện
Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Năng lượng VCP	Công ty mẹ
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Công ty con của Công ty mẹ
Ông Vũ Tuấn Cường	Cổ đông lớn của Công ty mẹ
Ông Vũ Hà Nam	Tổng Giám đốc Công ty con của Công ty mẹ
Ông Nguyễn Viết Hoàng	Phó Tổng Giám đốc Công ty con của Công ty mẹ

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng hóa dịch vụ	3.507.556.196	3.073.283.340
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	968.888.276	922.750.740
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	2.538.667.920	2.150.532.600
Chia cổ tức	10.896.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	2.481.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	8.415.000.000	-
Chi phí lãi vay	502.025.948	1.250.259.028
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	42.449.315	256.133.944
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	-	168.483.287
- Ông Nguyễn Viết Hoàng	85.446.575	121.486.028
- Ông Vũ Hà Nam	-	50.768.913
- Ông Vũ Tuấn Cường	-	436.162.467
- Ông Phạm Tiến Luật	186.621.899	213.084.391
- Ông Trịnh Nguyên Khánh	50.373.911	4.139.998
- Ông Nguyễn Thanh Phương	137.134.248	-
Chi phí thuê văn phòng	324.000.000	300.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP	324.000.000	300.000.000
Thu nhập cho thuê xe	120.000.000	120.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	36.000.000	36.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	84.000.000	84.000.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		1.140.020.000	1.112.055.909
- Ông Trịnh Nguyên Khánh	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
- Ông Phạm Văn Minh	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
- Bà Phùng Thị Thu Huyền	Thành viên HĐQT	48.000.000	28.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên HĐQT	36.000.000	-
- Ông Lê Văn Thủy	Thành viên HĐQT	-	36.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên HĐQT	-	20.000.000
- Ông Phạm Quang Minh	Tổng Giám đốc	768.020.000	740.055.909
- Ông Phạm Tiến Luật	Phó Tổng Giám đốc	48.000.000	48.000.000
- Bà Đinh Thị Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	36.000.000	36.000.000
- Ông Nguyễn Hồ Ngọc	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
- Ông Trịnh Xuân Ninh	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ngát

Đỗ Thị Hồng Ngát
Người lập biểu

Lâm

Đinh Thùy Lâm
Kế toán trưởng



Phạm Quang Minh
Tổng Giám đốc

Thanh Hoá, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính,
thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Phụ lục 01 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	250.909.211.464	211.823.946.328	1.199.819.091	39.843.636	463.972.820.519
Số dư cuối năm	250.909.211.464	211.823.946.328	1.199.819.091	39.843.636	463.972.820.519
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	40.089.453.316	57.182.725.931	1.124.830.401	1.106.768	98.398.116.416
- <i>Khấu hao trong năm</i>	7.654.889.369	11.107.306.897	74.988.690	13.281.212	18.850.466.168
Số dư cuối năm	47.744.342.685	68.290.032.828	1.199.819.091	14.387.980	117.248.582.584
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	210.819.758.148	154.641.220.397	74.988.690	38.736.868	365.574.704.103
Tại ngày cuối năm	203.164.868.779	143.533.913.500	-	25.455.656	346.724.237.935

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 346.471.026.029 VND;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.199.819.091 VND.

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính,
thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Phụ lục 02 : CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.564.168.273	1.564.168.273	43.026.680.212	8.162.336.750	36.428.511.735	36.428.511.735
- Vay cá nhân	(1) 1.564.168.273	1.564.168.273	39.026.680.212	4.162.336.750	36.428.511.735	36.428.511.735
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	61.002.208.730	61.002.208.730	27.332.982.792	60.502.208.730	27.832.982.792	27.832.982.792
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	(2) 24.332.982.792	24.332.982.792	24.332.982.792	24.332.982.792	24.332.982.792	24.332.982.792
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	(3) 2.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
- Vay cá nhân	(4) 34.669.225.938	34.669.225.938	-	34.169.225.938	500.000.000	500.000.000
	62.566.377.003	62.566.377.003	70.359.663.004	68.664.545.480	64.261.494.527	64.261.494.527
b. Vay dài hạn						
Vay dài hạn	225.785.573.905	225.785.573.905	3.000.000.000	60.502.208.730	168.283.365.175	168.283.365.175
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Thăng Long	(2) 189.116.347.967	189.116.347.967	-	24.332.982.792	164.783.365.175	164.783.365.175
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	(3) 2.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
- Vay cá nhân	(4) 34.669.225.938	34.669.225.938	-	34.169.225.938	500.000.000	500.000.000
	225.785.573.905	225.785.573.905	3.000.000.000	60.502.208.730	168.283.365.175	168.283.365.175
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(61.002.208.730)	(61.002.208.730)	(27.332.982.792)	(60.502.208.730)	(27.832.982.792)	(27.832.982.792)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	164.783.365.175	164.783.365.175			140.450.382.383	140.450.382.383

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Tầng 2, khu nhà quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính,
thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Phụ lục 02 : CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**c. Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

STT	Đối tượng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm
Ngắn hạn					
(1)	Vay cá nhân	12 tháng	8,9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Dài hạn					
(2)	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Thăng Long	Đến hết ngày 17/01/2032	Theo từng khế ước nhận nợ	Tài trợ chi phí đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Xuân Minh (không bao gồm VAT dự án)	Toàn bộ tài sản thuộc dự án thủy điện Xuân Minh
(3)	Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	Từ ngày 03/12/2024 đến ngày 27/12/2025	8,9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
(4)	Vay cá nhân	12 tháng + 1 ngày	8,9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp

d. Các khoản vay đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2024		01/01/2024	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn					
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	Công ty con của Công ty mẹ	3.000.000.000	21.213.699	2.000.000.000	105.580.821
- Ông Phạm Tiến Luật	Phó Tổng Giám đốc	2.218.563.691	14.065.086	2.142.782.005	15.451.513
- Ông Nguyễn Viết Hoàng	Phó Tổng Giám đốc Công ty con của Công ty mẹ	-	-	1.200.000.000	8.284.932
- Ông Trịnh Nguyên Khánh	Chủ tịch HĐQT	604.516.733	3.832.470	556.369.366	4.139.998
- Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2024)	2.000.000.000	48.523.288		
		7.823.080.424	87.634.543	5.899.151.371	133.457.264





BÁO CÁO

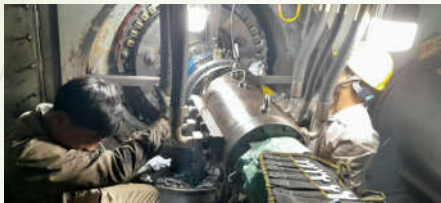
TÌNH TRẠNG THIẾT BỊ TỔ MÁY H1-H2 NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN XUÂN MINH SAU KỲ BẢO DƯỠNG NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VCP
TT. Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá
Website: vcpholdings.com.vn/codienvcp

TỔNG THỂ NHÀ MÁY

TT	TÊN THIẾT BỊ	ĐÁNH GIÁ THIẾT BỊ SAU SỬA CHỮA	KẾT LUẬN
1	1101-GMA-TBMPH1(H2)-MAYPHATH1(H2) (Máy phát H1-H2)	Ổn định	Đạt
2	1101-GMA-TBMPH1(H2)-TUABINH1(H2) (Tua bin H1-H2)	Ổn định	Đạt
3	1101-GMA-DIETOC-TOMAYH1(H2) (Hệ thống điều tốc tổ máy H1-H2)	Ổn định	Đạt
4	1101-GMA-DBTKDR-TOMAYH1(H2) (HT dầu bôi trơn, kích, rò rỉ điều tốc H1-H2)	Ổn định	Đạt
5	1101-GMA-DLPHAN-TOMAYH1(H2) (Đo lường và phanh tổ máy H1-H2)	Ổn định	Đạt
6	1101-GMA-NUKYTH-TOMAYH1(H2) (Hệ thống nước kỹ thuật tổ máy H1-H2)	Ổn định	Đạt
7	1101-GMA-KICHTU-TOMAYH1(H2) (Hệ thống kích từ tổ máy H1-H2)	Ổn định	Đạt
8	1101-DKT-TDKLCU-TOMAYH1(H2) (Hệ thống LCU điều khiển tổ máy H1-H2)	Ổn định	Đạt
9	1101-DKT-HTRLBV-TOMAYH1(H2) (Hệ thống rơ le bảo vệ tổ máy H1-H2)	Ổn định	Đạt
10	1101-TTA-TMAYH1(H2) (Dây tủ trung áp 7,2KV tổ máy H1-H2)	Ổn định	Đạt

1: 1101 -GMA-TBMPH1(H2)-MAYPHATH1(H2) (Máy phát H1-H2)



❖ CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN

- Vệ sinh thổi bụi toàn bộ máy phát điện
- Cô góp, thay mới chổi than vành góp bị mòn
- Kiểm tra cách điện, sấy cách điện Rotor
- Kiểm tra cách điện, sấy cách cách điện Stator
- Đo điện trở một chiều cuộn dây stator (Nếu cần)
- Kiểm tra các kiểm nhiệt quận dây, sensor kiểm nhiệt trong buồng máy phát
- Thí nghiệm tổng thể máy phát
- Thông rửa các bộ làm mát không khí máy p hát, thay giăng bộ làm mát
- Hệ thống quạt làm mát, sấy máy phát:
- Vệ sinh tổng thể thiết bị
- Bảo dưỡng các khởi động từ mạch lực: Đánh sạch tiếp điểm.
- Tháo bảo dưỡng vòng bi, bạc đỡ
- Đo cách điện động cơ

- Xiết lại bu lông lắp đặt thiết bị
- Vệ sinh sơn lại các vị trí han rỉ

TÌNH TRẠNG HIỆN TẠI: Hiện tại Máy phát H1-H2 đang hoạt động ổn định

❖ TỒN TẠI

- Máy phát bám rất nhiều hơi dầu và bụi than

❖ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM TỚI

- Lắp kín buồng cô góp và đặt máy hút bụi chổi than để hạn chế bụi chổi than bay vào máy phát (nếu cần).
- Vệ sinh và kiểm tra các thông số của máy phát
- Bảo dưỡng hệ thống tủ bảng điều khiển quạt làm máy phát, bộ sấy

❖ ĐÁNH GIÁ :

- Hiện tại hệ thống Máy phát H1-H2 vẫn đảm bảo chất lượng hoạt động lâu dài hàng năm sẽ tiến hành kiểm tra thay thế các thiết bị hư hỏng
- Dự kiến trong 3-5 năm tới chưa có gì phát sinh lớn cần thay thế

2: 1101-GMA-TBMPH1(H2)-TUABINH1(H2) (Tua bin H1-H2)

❖ CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN

- Xiết lại các tay bin điều chỉnh cánh hướng
- Xử lý một số thấm dầu, rò dầu
- Đánh rỉ, vệ sinh sơn lại vành điều chỉnh cánh hướng, ống côn nối với hạ lưu
- Thay gioăng, phốt cổ trục cánh hướng số 12 H1
- Xiết lại tét chèn cổ trục Tuabin
- Kiểm tra xiết lại các vị trí rò khí chèn trục
- Thay gioăng tại các vị trí thấm, rò dầu (H2)



- Kiểm tra toàn bộ chốt cắt cánh hướng
- Xử lý, thay gioăng trụ phụ bộ tiếp nhận dầu H2
- Thực hiện đóng, mở cánh bánh xe công tác kiểm tra hành trình làm việc và thời gian đóng, mở
- Vệ sinh, bảo dưỡng vành điều chỉnh, kiểm tra đo khe hở cánh hướng, BXCT (kèm bảng thông số)

❖ **TÌNH TRẠNG HIỆN TẠI:** Hiện tại hệ thống Tuabin đang hoạt động ổn định

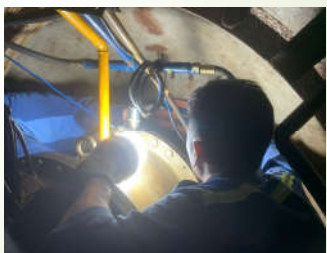
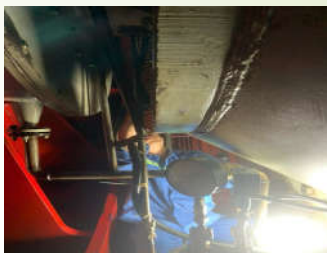
❖ **TỒN TẠI :** Thấm dầu tại ổ đỡ chặn máy phát (H1-H2)

❖ **DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM TỚI**

- Tháo thay thế gioăng chặn cổ trục Tuabin H1 (nếu cần).
- Xử lý rò dầu, thấm dầu tại ổ đỡ chặn máy phát (H1-H2), bánh xe công tác (H1) nếu có
- Bảo dưỡng, xiết lại toàn bộ vành điều chỉnh cánh hướng.

❖ **ĐÁNH GIÁ :**

- Hiện tại hệ thống tuabin vẫn đảm bảo chất lượng hoạt động lâu dài hàng năm sẽ tiến hành kiểm tra thay thế các thiết bị hư hỏng
- Dự kiến trong 3-5 năm tới chưa có gì phát sinh lớn cần thay thế



Bảng thông số đo

TT	Thông số đo cánh hướng, BXCT, độ đảo TM			
	CH H1	CH H2	BXCT H1	BXCT H2
1	00 mm	00 mm	4,10 mm (+y)	3,60 mm (+y)
2	00 mm	00 mm	2,10 mm (-y)	2,50 mm (-y)
3	00 mm	00 mm	2,60 mm (+x)	2,40 mm (+x)
4	00 mm	00 mm	2,00 mm (-x)	2,20 mm (-x)
5	00 mm	00 mm		
6	00 mm	00 mm		
7	00 mm	00 mm		
8	00 mm	00 mm		
9	00 mm	00 mm		
10	00 mm	00 mm		
11	00 mm	00 mm		
12	00 mm	00 mm		
13	00 mm	00 mm		
14	00 mm	00 mm		
15	00 mm	00 mm		
16	00 mm	00 mm		

3: 1101-GMA-DIETOC-TOMAYH1(H2) (Hệ thống điều tốc tổ máy H1-H2)



❖ CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN

- **Thiết bị bơm dầu, bình, bể dầu**
- Xả hết khí áp lực tại bình dầu khí và các đường ống
- Xả hết dầu về bể chứa tại cao trình 6,68 bơm dầu lên bể dầu dự phòng cao trình 28 tiến hành lọc và thí nghiệm dầu
- Dùng giẻ sạch và bột mỳ vệ sinh toàn bộ bên trong, ngoài bình bể dầu áp lực, bể dầu hồi điều tốc
- Vệ sinh lưới lọc tại bể
- Bảo dưỡng các loại van tay đóng, mở
- Tháo kiểm tra, bảo dưỡng van an toàn, van xả tải, van điều chỉnh áp lực
- Thiết bị tủ điều tốc - thiết bị van đóng sự cố - Secvomotor
- Vệ sinh tổng thể thiết bị

- Tháo vệ sinh, bảo dưỡng phần điều khiển cơ khí BXCT và cánh hướng
- Tháo vệ sinh bảo dưỡng van điều khiển đóng, mở chốt Secvomotor
- Thực hiện đóng, mở cánh bánh xe công tác kiểm tra hành trình làm việc và thời gian đóng mở Secvomotor để kiểm tra hiệu chỉnh hành trình đóng mở
- Vệ sinh xúc rửa bộ lọc dầu tại tủ
- Vệ sinh tổng thể thiết bị thiết bị bên ngoài của ngăn kéo chính, ngăn kéo sự cố, ngăn kéo điều chỉnh BXCT, cánh hướng
- Xử lý xiết lại các vị trí rò dầu trong tủ
- Nạp lại dầu, khí cho hệ thống thiết bị đúng theo quy định (dầu 4000 lít, nạp khí đủ áp lực 6.3 MPa)
- Thực hiện thao tác điều chỉnh cánh hướng, cánh BXCT để xả khí cho toàn hệ thống
- **Nội dung công việc phần điện**
- Vệ sinh tổng thể bên trong, bên ngoài các tủ điều tốc điện, cơ, các thiết bị đo lường, điều khiển của hệ thống dầu áp lực, điều tốc
- Kiểm tra, bảo dưỡng các chuyển mạch, nút bấm đèn hiển thị tại các tủ. Kiểm tra các công tắc hành, trình, đèn chiếu sáng cho các tủ
- Vệ sinh, kiểm tra, bảo dưỡng các van điện từ trong tủ điều tốc cơ khí
- Kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị đo lường, điều khiển như TB đo độ mở sec-vo-mo-tơ, TB đo tốc độ...
- Vệ sinh tổng thể bên trong bên ngoài tủ điều khiển bơm dầu áp lực, dầu hồi điều tốc
- Bảo dưỡng các áp-to-mát và khởi động từ
- Kiểm tra cách điện các động cơ bơm dầu đo điện trở một chiều các cuộn dây động cơ
- Kiểm tra, bảo dưỡng các PLC, màn hình cảm ứng tại các tủ
- Kiểm tra, bảo dưỡng 2 bộ khởi động mềm của tủ điều khiển bơm dầu áp lực

❖ **TÌNH TRẠNG HIỆN TẠI:** Hiện tại hệ thống điều tốc đang hoạt động ổn định

❖ **TỒN TẠI:** Không

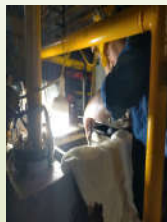
❖ **DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM TỚI**

- Tháo, kiểm tra, bảo dưỡng tủ điều tốc, thay thế các linh kiện kém chất lượng như bộ lọc dầu, van điều khiển, van tay các loại.
- Tháo bảo dưỡng chốt vành điều chỉnh
- Tháo kiểm tra, bảo dưỡng bơm dầu điều tốc, thay các vật tư thiết bị đã kém chất lượng như khớp nối, vòng bi động cơ, bơm dầu
- Kiểm tra bảo dưỡng hệ thống điều khiển, kiểm tra cài đặt các thông số của hệ thống
- Thay thế các cảm biến kém chất lượng

❖ **ĐÁNH GIÁ**

- Hệ thống hoạt động ổn định trong 3 đến 5 năm tới chỉ cần mua thiết bị thay thế các hư hỏng
- Có kế hoạch nâng cấp hệ thống trong vòng 5 – 6 năm tới khi thiết bị không còn sản xuất

4: 1101-GMA-DBTKDR-TOMAYH1(H2) (HT dầu bôi trơn, kích, rò rỉ điều tốc H1-H2)



❖ **CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN**

- Vệ sinh sạch bề dầu, tấm lưới lọc
- Kiểm tra xử lý hết các vị trí rò dầu tại thiết bị (nếu có)
- Tháo vệ sinh, bảo dưỡng các van một chiều, van chặn, đường ống
- Tháo vệ sinh các cụm van điều khiển điện, van xả tải, van sự cố, van một chiều, Block van tại thiết bị
- Tháo vệ sinh, xúc rửa bộ lọc dầu
- Tháo vệ sinh, xúc rửa bộ làm mát dầu
- Lắp bổ sung van tay gạt DN 25 cho bơm dầu tuần hoàn
- Tháo vệ sinh, bảo dưỡng vòng bi động cơ, thay bi nếu không đảm bảo
- Kiểm tra các đồng hồ báo áp lực bơm
- Kiểm tra xiết lại các mặt bích, đường ống nối mềm, rắc co, khớp nối tại thiết bị kích tổ máy
- Vệ sinh tổng thể tủ điều khiển, động cơ, các cơ cấu đo lường, điều khiển
- Bảo dưỡng các áp-to-mát cấp nguồn, các khởi động từ mạch lực, đánh sạch tiếp điểm.
- Thí nghiệm các động cơ: Đo điện trở cách điện và điện trở một chiều các cuộn dây
- Kiểm tra bảo dưỡng các ro-le trung gian trong các tủ.
- Hệ thống bơm dầu rò rỉ điều tốc
- Bơm hết dầu về bể dầu dự phòng cao trình 28 lọc và thí nghiệm dầu theo quy định
- Vệ sinh sạch bề dầu
- Tháo vệ sinh bảo dưỡng các cụm van điều khiển điện, van một chiều, van an toàn
- Kiểm tra, vệ sinh động cơ bơm, thay bi động cơ nếu cần.
- Kiểm tra xiết lại các vị trí rò rỉ đường ống trên hệ thống

❖ **TÌNH TRẠNG HIỆN TẠI:** Hiện tại hệ thống dầu bôi trơn đang hoạt động ổn định

❖ **TÒN TẠI:** Không

❖ **DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM TỚI**

- Tháo vệ sinh thứ áp bộ làm mát dầu để đánh giá chất lượng thiết bị
- Tháo kiểm tra, đánh giá thay các bộ lọc dầu, gioăng làm kín, khớp nối, van điều khiển, van tay nếu không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật
- Tháo kiểm tra các loại đồng hồ báo áp suất, thay thế các đồng hồ kém chất lượng
- Kiểm tra bảo dưỡng toàn bộ hệ thống điều khiển
- Kiểm tra cách điện các động cơ

❖ **ĐÁNH GIÁ :**

- ✓ Hệ thống hoạt động ổn định trong 3 đến 5 năm tới không có phát sinh mới chỉ cần mua thiết bị thay thế các hư hỏng.
- ✓ Khảo sát đưa phương án, tìm nhà cung cấp để mua bộ làm mát dầu làm dự phòng thay thế khi cần thiết. (bộ làm mát đã sử dụng sau 1 thời gian dài do vậy vật liệu các ống đồng làm mát cũng đã suy giảm về chất lượng)

5: I101-GMA-DLPHAN-TOMAYH1(H2) (Đo lường và phanh tổ máy H1-H2)



❖ **CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN**

- Kiểm tra toàn bộ đồng hồ đo lường nhiệt độ, đo dòng dọc trục, chốt cắt, độ rung đảo, tốc độ tổ máy
- Kiểm tra siết lại toàn bộ hàng kẹp từ đo lường
- Kiểm tra các cảm biến đo lường nhiệt độ
- Vệ sinh toàn bộ hệ thống tủ bảng từ đo lường nhiệt độ
- **Hệ thống phanh tổ máy:**
- Tháo bảo dưỡng, thay gioăng guốc phanh (01) nâng, hạ không êm dịu
- Tháo vệ sinh, bảo dưỡng các van một chiều, van đĩa chặn, đường ống
- Kiểm tra xiết lại các mặt bích, đường ống nối mềm, rắc co, khớp nối tại thiết bị kích tổ máy
- Vệ sinh tổng thể tủ điều khiển, động cơ, các cơ cấu đo lường, điều khiển
- Bảo dưỡng các áp-to-mát cấp nguồn, các khởi động từ mạch lực, đánh sạch tiếp điểm.
- Vệ sinh, bảo dưỡng các chuyển mạch, nút bấm đèn báo trên các tủ.
- Kiểm tra các đồng hồ báo áp

❖ **TÌNH TRẠNG HIỆN TẠI:** Hiện tại hệ thống Đo lường và phanh tổ máy H1-H2 đang hoạt động ổn định

❖ **TÒN TẠI:** Không

❖ **DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM TỚI**

- Kiểm tra các cảm biến đo lường nhiệt độ
- Thay gioăng các guốc phanh kém chất lượng
- Thay thế các đồng hồ báo áp, van tay kém chất lượng
- Kiểm tra bảo dưỡng toàn bộ hệ thống điều khiển
- Kiểm tra cách điện các động cơ

❖ **ĐÁNH GIÁ :**

- ✓ Hệ thống hoạt động ổn định trong 3 đến 5 năm tới không có phát sinh mới chỉ cần mua thiết bị thay thế các hư hỏng.

6: 1101-GMA-NUKYTH-TOMAYH1(H2) (Hệ thống nước kỹ thuật tổ máy H1-H2)



❖ CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN

- Nội dung công việc phần cơ khí
- Tháo động cơ, bảo dưỡng các vòng bi (nếu cần thì thay các vòng bi không đạt yêu cầu kỹ thuật) Tháo bộ lọc, vệ sinh bảo dưỡng bộ lọc
- Tháo thiết bị buồng bơm, kiểm tra bảo dưỡng buồng bánh xe công tác, căn chỉnh tâm BXCT với buồng bơm, kiểm tra xiết lại các tết chèn, gioăng cơ khí tại buồng bơm (nếu cần) Thay gioăng tại các vị trí bị rò nước
- Tháo bảo dưỡng toàn bộ các van trên hệ thống Kiểm tra các loại đồng hồ báo áp lực
- Tháo bộ lọc, vệ sinh bảo dưỡng bộ lọc
- Thay gioăng tại các vị trí bị rò nước
- Nội dung công việc phần điện
- Đo cách điện các động cơ của bơm nước kỹ thuật
- Bảo dưỡng các áp-to-mát và khởi động từ
- Kiểm tra bảo dưỡng các rơ-le trung gian trong các tủ.
- Kiểm tra các tín hiệu điều khiển từ phòng điều khiển trung tâm tới thiết bị
- Tháo bảo dưỡng, kiểm tra các van điện điều khiển
- Kiểm tra hiệu chỉnh các đồng hồ báo áp lực

❖ **TÌNH TRẠNG HIỆN TẠI:** Hiện tại hệ thống nước kỹ thuật đang hoạt động ổn định

❖ **TỒN TẠI:** Không

❖ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM TỚI

- Tháo toàn bộ động cơ, bơm nước kiểm tra, bảo dưỡng, đánh giá tình trạng thiết bị, thay thế các vòng bi, gioăng cơ khí đã kém chất lượng.
- Tháo kiểm tra đánh giá các bộ lọc nước, thay thế bộ lọc đã kém chất lượng, bảo dưỡng động cơ bộ lọc, bảo dưỡng thiết bị truyền động giữa động cơ tới thiết bị rửa ngược bộ lọc.
- Bảo dưỡng toàn bộ van trên hệ thống, đồng hồ báo áp suất, thay thế các thiết bị hoạt động không tin cậy
- Kiểm tra chất lượng động cơ
- Kiểm tra chất lượng hệ thống điều khiển

❖ ĐÁNH GIÁ :

- ✓ Hệ thống hoạt động ổn định trong 3 đến 5 năm tới không có phát sinh mới chỉ cần mua thiết bị thay thế các hư hỏng

7: 1101-GMA-KICHTU-TOMAYH1(H2) (Hệ thống kích từ tổ máy H1-H2)



❖ CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN

- Kiểm tra, bảo dưỡng hai máy tính công nghiệp
- Vệ sinh, bảo dưỡng màn hình cảm ứng.

- Kiểm tra, vệ sinh các bo mạch đo lường, điều khiển trong tủ.
- Kiểm tra, bảo dưỡng các role tín hiệu trong tủ.
- Vệ sinh, xiết lại các hàng kẹp trong tủ.
- Vệ sinh tấm lọc gió, bảo dưỡng quạt làm mát
- Kiểm tra các thyristor, cầu chì, thay thế nếu cần.
- Bảo dưỡng các cầu dao xoay chiều, đánh sạch tiếp điểm.
- Bảo dưỡng thanh cái, xiết chặt các bu-lông
- Kiểm tra, bảo dưỡng công tắc tơ môi từ, đánh sạch tiếp điểm.
- Vệ sinh, bảo dưỡng máy cắt đập từ.
- Vệ sinh, kiểm tra dàn điện trở đập từ.
- Kiểm tra bảo dưỡng các TI cao, hạ áp
- Kiểm tra các tham số cho hệ thống kích từ khi đóng điện trở lại

❖ **TÌNH TRẠNG HIỆN TẠI:** Hiện tại hệ thống kích từ hoạt động ổn định

❖ **TỒN TẠI:** Không

❖ **DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM TỚI**

- Kiểm tra bảo dưỡng tủ điều khiển
- Kiểm tra các thông số của Thyristor
- Bảo dưỡng hệ thống đóng cắt và môi từ
- Bảo dưỡng máy cắt đập từ

❖ **ĐÁNH GIÁ :**

- ✓ Hiện tại hệ thống kích từ đang hoạt động ổn định trong 3 đến 5 năm tới cần mua vật tư thay thế thiết bị hư hỏng
- ✓ Tính toán nâng cấp 5 đến 6 năm khi thiết bị không còn sản xuất

8: 1101-DKT-TDKLCU-TOMAYH1(H2) (Hệ thống LCU điều khiển tổ máy H1-H2)

❖ **CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN**

- Vệ sinh, bảo dưỡng bộ hoà đồng bộ bằng tay, bộ hoà đồng bộ tự động, role kiểm tra đồng bộ, đồng hồ điện áp, tần số lưới và máy phát
- Vệ sinh, bảo dưỡng các chuyển mạch, nút ấn, đèn tín hiệu.
- Vệ sinh, xiết lại các đầu cốt tại tất cả các hàng kẹp trong tủ.
- Kiểm tra bảo dưỡng các rơ-le trung gian trong các tủ.
- Thay thế các thiết bị hỏng
- Vệ sinh, bảo dưỡng các bộ nguồn.
- Vệ sinh bảo dưỡng các PLC.
- Vệ sinh, bảo dưỡng các bộ chuyển đổi tín hiệu, các Switch mạng...
- Vệ sinh bảo dưỡng màn hình cảm ứng.
- Vệ sinh, bảo dưỡng các chuyển mạch, nút ấn, khoá điều khiển, đèn tín hiệu trong tủ.
- Kiểm tra bảo dưỡng các rơ-le trung gian trong các tủ.

❖ **TÌNH TRẠNG HIỆN TẠI:** Hiện tại hệ thống kích từ hoạt động ổn định

❖ **TỒN TẠI:** Không

❖ **DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM TỚI**

- Kiểm tra bảo dưỡng các thiết bị điều khiển LCU1A1, LCU1A2
- Kiểm tra thí nghiệm các bộ biến đổi công suất, bộ hòa tự động – bằng tay
- Kiểm tra các thiết bị phụ trợ liên qua đến hệ thống điều khiển giám sát

❖ **ĐÁNH GIÁ :**

- ✓ Hệ thống hoạt động ổn định trong 3 đến 5 năm tới chỉ cần mua thiết bị thay thế các hư hỏng.



9: 1101-DKT-HTRLBV-TOMAYH1(H2) (Hệ thống rơ le bảo vệ tổ máy H1-H2)

CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN

- Vệ sinh tổng thể bên trong, bên ngoài tủ
- Vệ sinh, bảo dưỡng các con nối, đèn hiển thị, công tắc cửa...
- Tháo từng bo mạch của rơle NSR-376S ra vệ sinh, bảo dưỡng, lắp lại
- Tháo từng bo mạch của rơle NSR-381T2 ra vệ sinh, bảo dưỡng, lắp lại
- Khôi phục mạch đồng, xiết các đầu cốt
- Thí nghiệm chức năng đo lường và kiểm tra mạch Trip của rơ le

❖ **TÌNH TRẠNG HIỆN TẠI:** Hiện tại hệ thống Role đo lường đang hoạt động ổn định

❖ **TỒN TẠI:** Không

❖ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM TỚI

- Kiểm tra bảo dưỡng hệ thống role và đo lường
- Kiểm tra thí nghiệm các chức năng đo lường và bảo vệ hai tổ máy

❖ ĐÁNH GIÁ :

- ✓ Hiện tại hệ thống role và đo lường chất lượng còn tốt dự kiến 5 đến 6 năm tới thay thế nâng cấp khi thiết bị không còn sản xuất.



10:1101-TTA-TMAYH1(H2) (Dây tải trung áp 7,2KV tổ máy H1-H2)



❖ CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN

- Kiểm tra và xiết lại các bulong bắt máy cắt.
- Kiểm tra, vệ sinh và bảo dưỡng bổ sung mỡ, các khớp nối trực truyền động giữa các pha của máy cắt.
- Kiểm tra, bảo dưỡng bộ truyền động tích năng lò xo máy cắt
- Kiểm tra, bảo dưỡng động cơ tích năng máy cắt.
- Đo điện trở tiếp xúc của từng pha máy cắt
- Kiểm tra các cầu chì TU, xiết lại các đầu cốt
- Kiểm tra, xiết lại các mạch dòng của các TI
- Kiểm tra, bảo dưỡng cầu dao phụ tải, bổ sung mỡ chì vào tiếp điểm, bổ sung mỡ EB3 vào các khớp truyền động của dao. Đo điện trở cách điện và điện trở tiếp xúc từng pha của dao
- Kiểm tra, bảo dưỡng dao tiếp địa, bổ sung mỡ vào các khớp truyền động, đo điện trở tiếp xúc từng pha.

❖ **TÌNH TRẠNG HIỆN TẠI:** Hiện tại hệ thống dây tải cao áp đang hoạt động ổn định

❖ **TỒN TẠI:** không

❖ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM TỚI

- Kiểm tra bảo dưỡng, thí nghiệm hai máy cắt 601,602
- Kiểm tra bảo dưỡng , thí nghiệm TU, TI hai tổ máy

❖ ĐÁNH GIÁ :

- ✓ Hệ thống hoạt động ổn định trong 3 đến 5 năm tới chỉ cần mua thiết bị thay thế các hư hỏng.

Số: 01/2025/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 và dự kiến năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh*Căn cứ:*

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC phát hành ngày 24/02/2025.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến năm 2025 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

- | | | |
|--|---|----------------------------|
| 1. Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | : | 17.799.970.782 đồng |
| 2. Dự kiến phân phối: | | |
| 2.1. Chia cổ tức 8% | : | 12.000.000.000 đồng |
| 2.2. Trích lập quỹ đầu tư phát triển | : | 4.175.970.782 đồng |
| 2.3. Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | : | 1.000.000.000 đồng |
| 2.4. Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024 | : | 324.000.000 đồng |
| 2.5. Thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành, CB quản lý | : | 300.000.000 đồng |

II. Phương án chi trả cổ tức năm 2024

- | | | |
|----------------------------|---|---------------------|
| 1. Tổng số tiền trả cổ tức | : | 12.000.000.000 đồng |
| 2. Hình thức trả | : | Bằng tiền |
| 3. Thời gian chi trả | : | Từ 01/9/2025 |

III. Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

- Cổ tức: Tỷ lệ cụ thể được chi trả trên cơ sở thực tế kết quả SXKD năm 2025.
- Trích các quỹ: Tỷ lệ cụ thể được trích lập trên cơ sở thực tế kết quả SXKD năm 2025.
- Chi trả thù lao HĐQT, BKS theo phương án được phê duyệt.
- Thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành và cán bộ quản lý tối đa 10% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCTC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trịnh Nguyên Khánh

Số: 02/2025/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Đề xuất thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Căn cứ:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2025 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đề xuất phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 như sau:

STT	Chức danh	Số người	Phụ cấp định kỳ		
			Mức phụ cấp/ người/tháng	Số tháng	Thành tiền
1	HĐQT	5			252.000.000
	Chủ tịch HĐQT	1	5.000.000	12	60.000.000
	Thành viên HĐQT	4	4.000.000	12	192.000.000
2	Ban kiểm soát	3			84.000.000
	Trưởng BKS	1	3.000.000	12	36.000.000
	Thành viên BKS	2	2.000.000	12	48.000.000
	Cộng				336.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh thông qua.
Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCTC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH****Trịnh Nguyên Khánh**

Số: 01/2025/TT-BKS

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Đề nghị thông qua việc ủy quyền lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Kết quả thẩm tra công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Để phục vụ cho công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình tài chính của Công ty trong năm 2025, đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định và chuẩn mực hiện hành của Nhà nước, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích cho các cổ đông, Ban Kiểm soát đề nghị Công ty thuê một đơn vị kiểm toán có đủ điều kiện, uy tín để thực hiện Báo cáo tài chính năm 2025.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn bổ nhiệm Công ty kiểm toán có đủ uy tín, năng lực, điều kiện và giá cả phù hợp có thể đáp ứng được yêu cầu thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 cho Công ty cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đinh Thị Hạnh

Nơi nhận :

- Như kính gửi ;
- HĐQT;
- Lưu.

Số: 03/2025/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về phương án nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh nhiệm kỳ 2025-2030

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

Tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 đã kết thúc. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: 05 thành viên**, phù hợp với quy định tại khoản 1, điều 26, Điều lệ Công ty ban hành ngày 20/4/2021.
- Số lượng thành viên Ban kiểm soát: 03 thành viên**, phù hợp với quy định tại khoản 1, điều 37, Điều lệ Công ty ban hành ngày 20/4/2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCTC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trịnh Nguyên Khánh